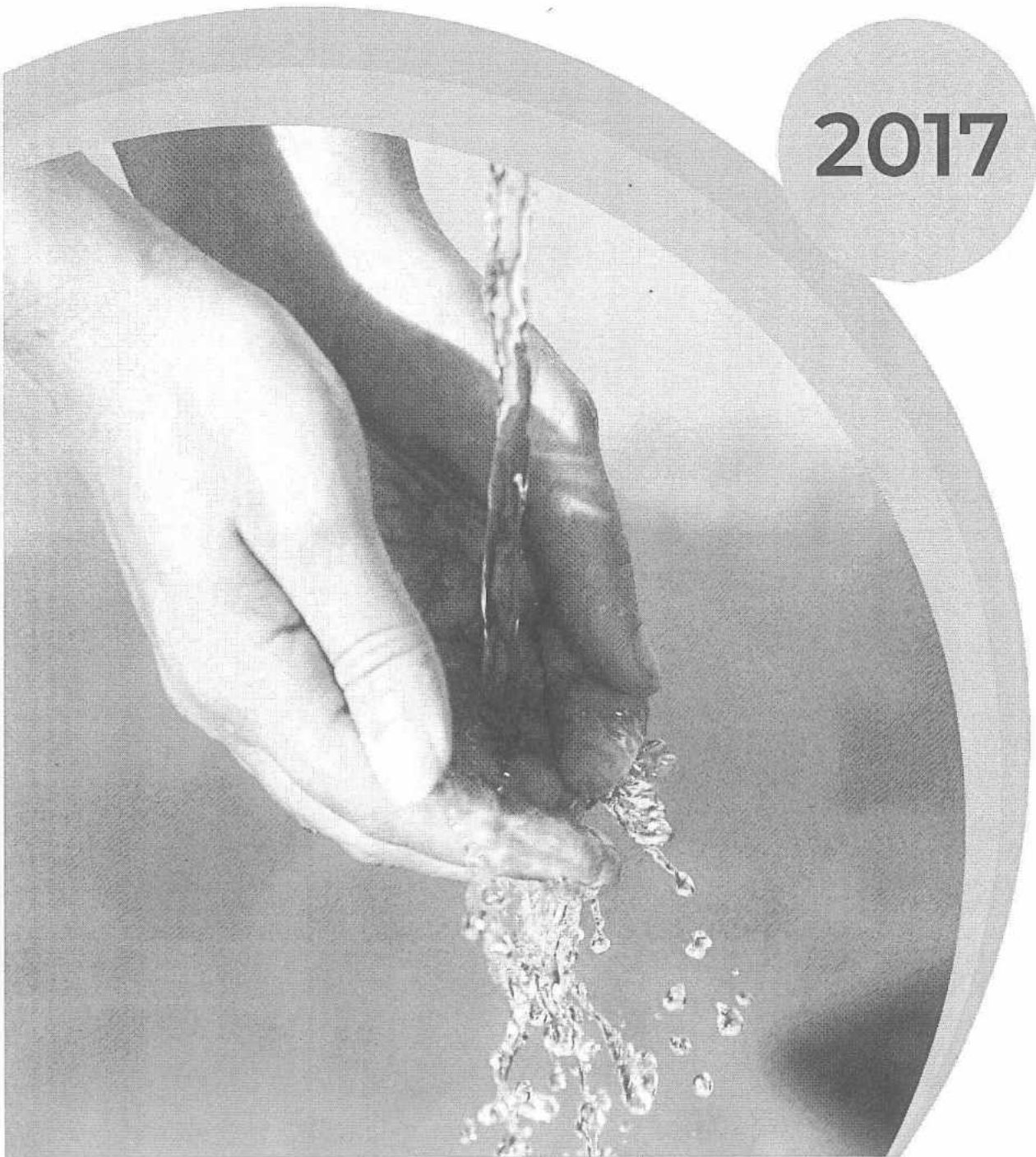




CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017





MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Thông tin khái quát về công ty
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị và sơ đồ tổ chức
Định hướng phát triển
Quản trị rủi ro



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Tình hình hoạt động SXKD 2017
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư CSH



BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Phương hướng phát triển



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động

Đánh giá của HĐQT về Ban Giám đốc

Kế hoạch, định hướng của HĐQT



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của

HĐQT, BKS, BGD



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững

Đánh giá trách nhiệm với môi trường & cộng đồng xã hội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2017

THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **Hướng Xuân Công**
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Kính thưa Quý cổ đông,

Thay mặt ban lãnh đạo Công ty, tôi xin được gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến quý cổ đông - những người đã luôn đồng hành với công ty trong suốt thời gian vừa qua.

Năm 2017 là một năm ấn tượng của kinh tế Việt Nam khi đã hoàn thành toàn diện và vượt mức 13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội Quốc hội đề ra. Trong đó, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,81% - là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng một thập kỷ trở lại đây, trong khi tỉ lệ lạm phát được kiểm soát ở mức 3,53%. Môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia Việt Nam cũng có những bước tiến vượt bậc. Theo Báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam xếp hạng 68/190 nền kinh tế về môi trường kinh doanh, tăng 14 bậc so với năm 2016. Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) xếp hạng năng lực cạnh tranh Việt Nam tăng 5 bậc trong

năm 2017, đứng thứ 55/137 nước và tăng vọt 20 bậc so với 5 năm trước. Năm 2017 cũng đánh dấu kỷ lục về số lượng doanh nghiệp thành lập mới. Cả nước có 126.859 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng vốn đăng ký là 1.295,9 nghìn tỷ đồng, tăng 15,2% về số doanh nghiệp và tăng 45,4% về số vốn đăng ký so với năm 2016.

Cùng với những thuận lợi chung của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2017 của công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang cũng mang nhiều nét tích cực. Tuy vậy, trong quá trình hoạt động Công ty vẫn gặp phải một số nguy cơ ô nhiễm nguồn nước sông Thương; Công ty bắt đầu phải cạnh tranh với các doanh nghiệp cấp nước khác trên địa bàn như Công ty Nam Sơn, Công ty CPĐT 206...; một số CBCNV ý thức và trách nhiệm còn kém, vi phạm

nội quy, quy chế của Công ty, năng suất lao động thấp. Nhờ có chỉ đạo, phối hợp và thống nhất giữa Đảng bộ, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty trong sự lãnh đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, sự nỗ lực cố gắng của các phòng ban chức năng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã phấn đấu vượt qua khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra. Cụ thể, tổng doanh thu năm 2017 của Công ty là 118,8 tỷ đồng đạt 107,52% kế hoạch đề ra và tăng 28% so với năm 2016; lợi nhuận sau thuế đạt 5,71 tỷ đồng, vượt 30% kế hoạch và tăng 50% so với cùng kỳ.

Theo dự báo năm 2018, công tác sản xuất kinh doanh nước sạch của Công ty sẽ gặp những khó khăn trước mắt như: Theo cam kết, Công ty sẽ phải mua lại nước của Công ty DNP nên công tác phát triển khách hàng năm 2018 phải đẩy mạnh hơn nữa, trong khi trên địa bàn cấp nước đã có những đơn vị cạnh tranh, dẫn đến việc phát triển khách hàng ngày càng gặp nhiều khó khăn. Cùng với đó giá điện bắt đầu tăng từ ngày 01/12/2017, do vậy sẽ đẩy giá thành sản xuất nước tăng, trong khi giá nước vẫn giữ nguyên. Ban lãnh đạo Công ty cam kết nỗ lực hết sức để cùng Công ty vượt

qua những khó khăn trong năm 2018, phấn đấu đạt và vượt các mục tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

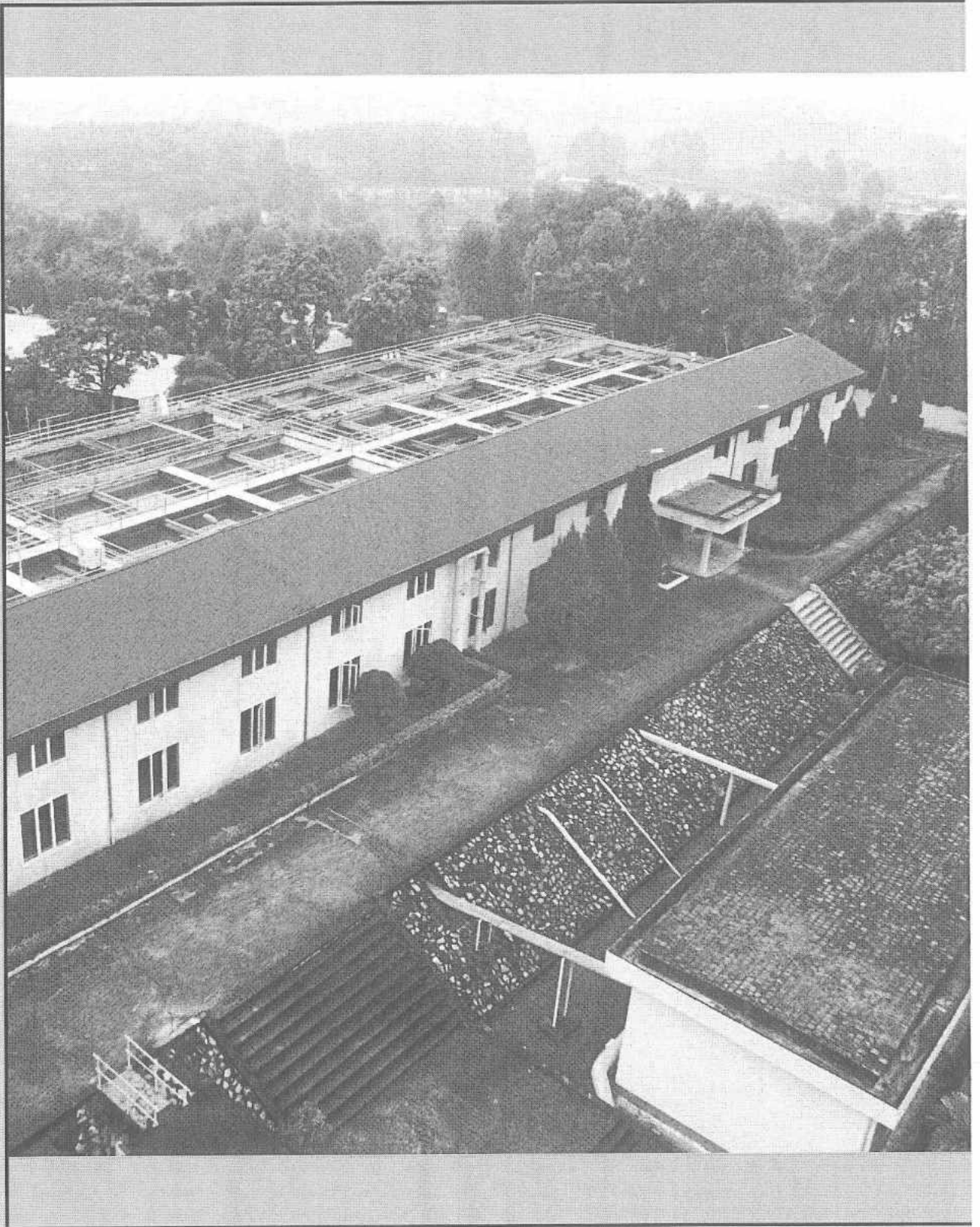
Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn các Quý Cổ Đông, đã luôn tin tưởng đồng hành cùng chúng tôi. Xin cảm ơn các Khách hàng đã tin tưởng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Và xin gửi lời cảm ơn tới toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty - những người đã đóng góp trí tuệ, công sức và kinh nghiệm cho sự thành công hôm nay và là nền tảng thực hiện sứ mệnh của Công ty trong tương lai!

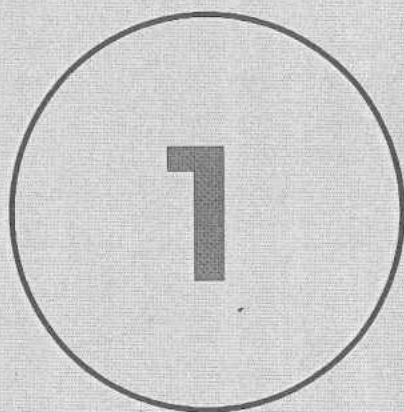
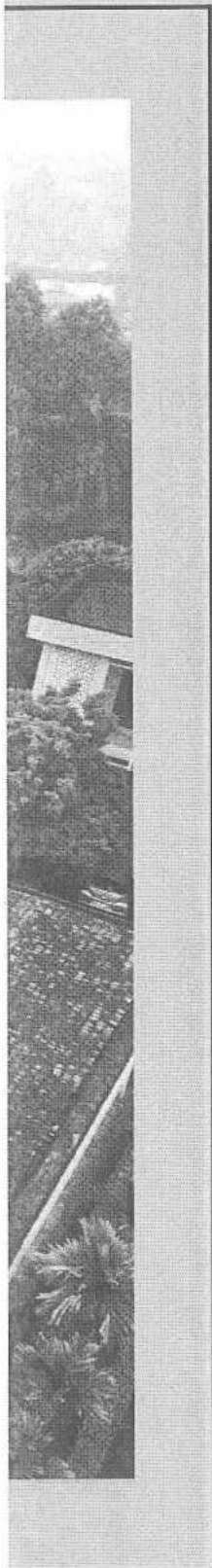
Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT



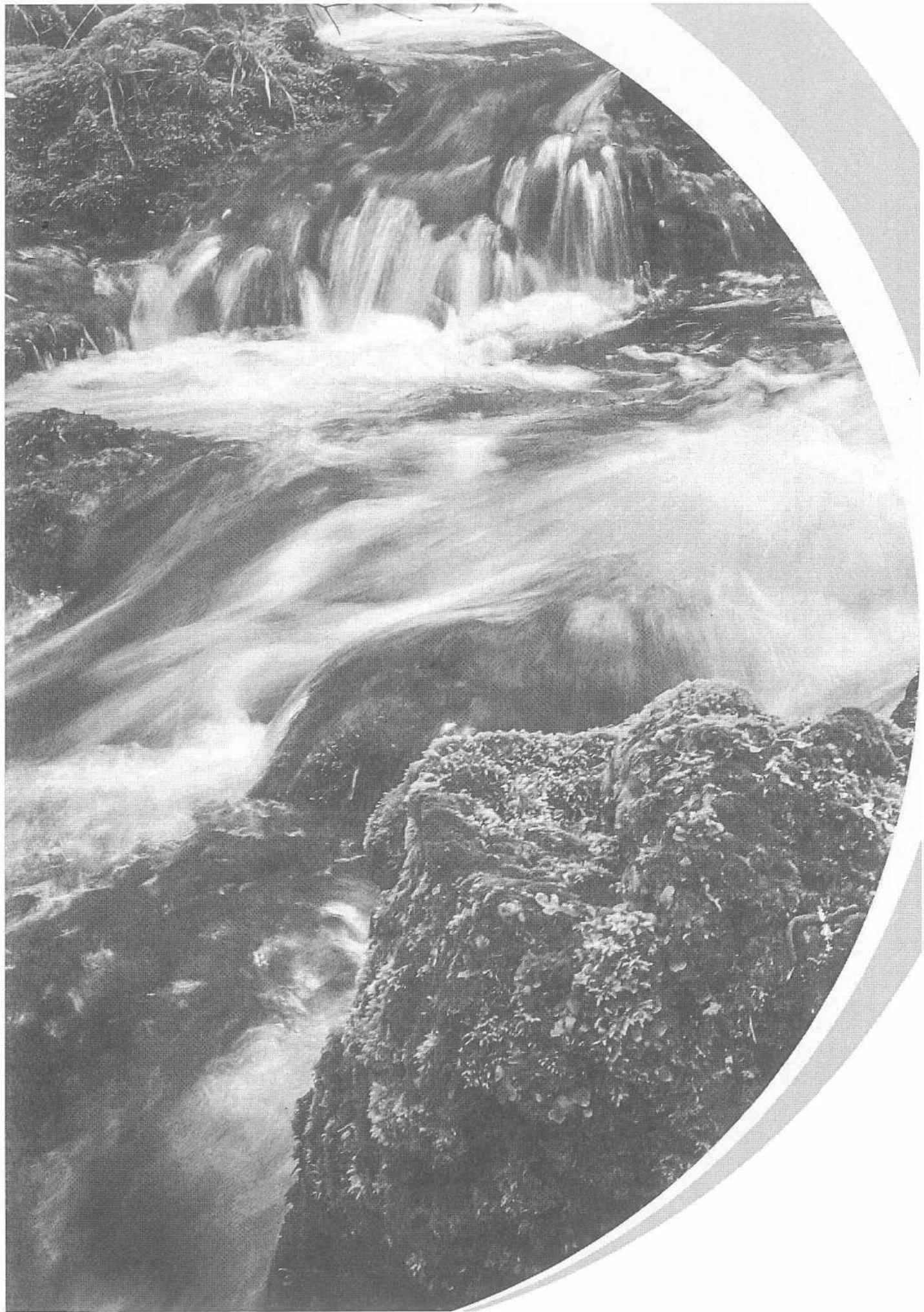
M.S.D.N: 240012017
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH
BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG

Hương Xuân Công





THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY





THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang

| | |
|---------------------------|--|
| GCNĐKDN | 2400126106 |
| Vốn điều lệ | 181.494.460.000 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 181.494.460.000 |
| Số điện thoại | 02043. 855 757 |
| Số fax | 02043. 554 717 |
| Website | bacgiangwsc.com.vn |
| Mã cổ phiếu | BGW |

Địa chỉ: Số 386, đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền,
TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

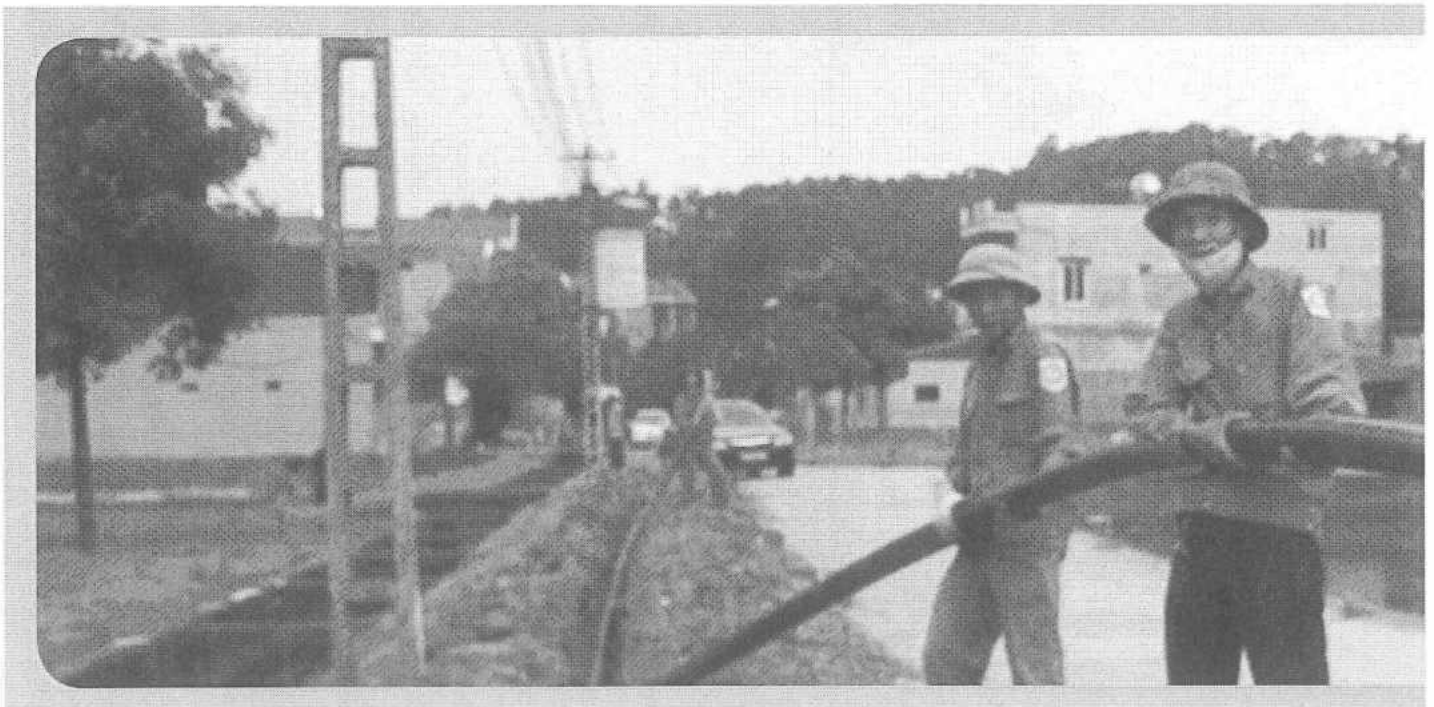
Thành lập Đội Xây dựng công trình 76 thuộc Công ty Xây dựng tỉnh Hà Bắc.

1978

Thành lập Xí nghiệp Điện nước Hà Bắc trên cơ sở tách hoạt động độc lập của Đội Xây dựng công trình 76.

1993

Xí nghiệp Điện nước Hà Bắc được chuyển đổi thành Công ty Cấp thoát nước Hà Bắc.



1997

Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang thành lập trên cơ sở chia tách theo tỉnh.

2005

Chuyển mô hình hoạt động và đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang .

2014

Thành lập thêm Xí nghiệp cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam.

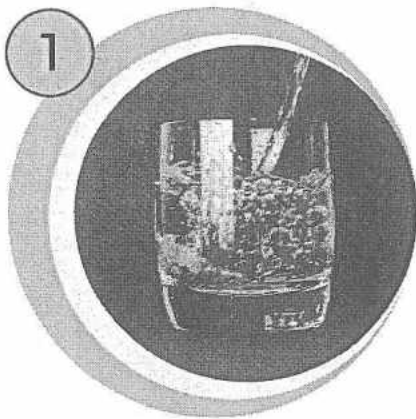
2015

Chuyển mô hình hoạt động và đổi tên thành Công ty Cổ phần Nước Sạch Bắc Giang.

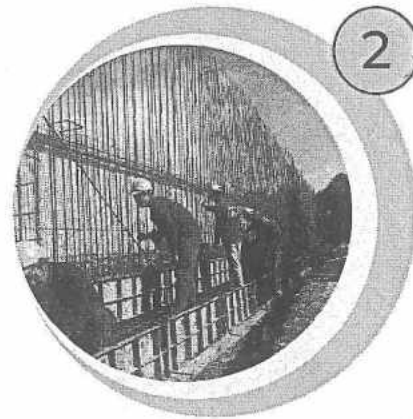


NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Sản xuất và kinh doanh nước sạch



Xây dựng các công trình cấp thoát nước, đường dây và trạm biến áp, công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng công trình giao thông, san lấp mặt bằng và các công trình hạ tầng kỹ thuật.



Tư vấn lập dự án, thiết kế, thẩm định và giám sát thi công công trình cấp thoát nước.



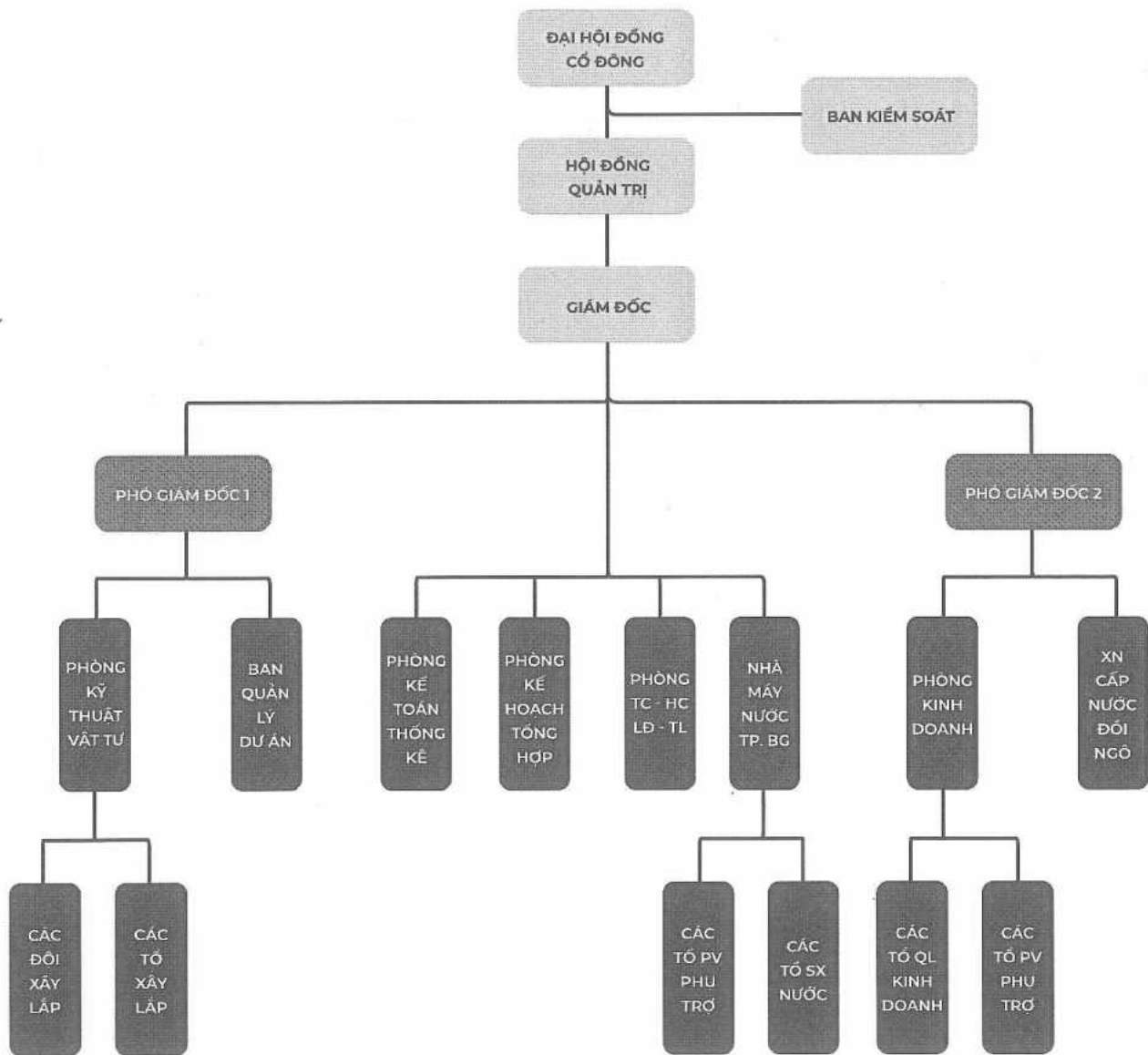
Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành cấp thoát nước.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tỉnh Bắc Giang

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty Cổ phần Nước Sạch Bắc Giang được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.



CHỨC NĂNG & NHIỆM VỤ

Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Hội đồng Quản trị của Công ty và Ban kiểm soát Công ty.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty quy định.

Ban kiểm soát

Thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Tổng công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Tổng công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Tổng công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;

Giám đốc điều hành

Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Các Phòng ban - Bộ phận

Phòng Tổ chức - Hành chính - Lao động- Tiền lương

Tham mưu giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty về tổ chức bộ máy công ty, bố trí sắp xếp nhân sự phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; Quản lý hành chính của doanh nghiệp, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn của Công ty; Quản lý lực lượng lao động, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động trong công ty; Xây dựng và thực hiện chế độ tiền lương và các thu nhập khác trong Công ty, xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nhân viên.

Phòng Kế hoạch- Tổng hợp

Tham mưu giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, dài hạn của Công ty; Tổ chức thực hiện kiểm tra tình hình thực hiện nội qui, qui chế của toàn Công ty.

Phòng Kế toán - Thống kê.

Giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc thực hiện các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kế toán; Lập báo cáo tài chính, quản lý thu chi tài chính, quản lý tài sản, vật tư của Công ty; Tham mưu cho Giám đốc về quản lý và sử dụng vốn, tài sản trong quá trình SXKD có hiệu quả; Quản lý và phân phối các quỹ theo quy định của Nhà nước.

Phòng Kỹ thuật - Vật tư

Tham mưu giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc xây dựng quy trình, quy phạm kỹ thuật áp dụng vào sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao; Quản lý hệ thống cấp nước, máy móc, thiết bị, phối hợp với Nhà máy bảo dưỡng, sửa chữa v.v... theo kế hoạch, định kỳ; Quản lý kỹ thuật các công trình xây lắp theo luật Xây dựng, luật Đấu thầu và các quy định khác của Nhà nước; Cung cấp vật tư cho Nhà máy và công trường; Quản lý các đội xây lắp, tổ thi công.

Phòng Kinh doanh

Quản lý toàn bộ mạng lưới cấp nước đảm bảo hoạt động an toàn hiệu quả; Quản lý khách hàng, tổ chức kinh doanh nước máy đạt hiệu quả.

Ban quản lý dự án

Quản lý dự án do Công ty làm chủ đầu tư theo luật Xây dựng; Thực hiện công tác đầu tư xây dựng Dự án theo quy định của luật Xây dựng, luật Đấu thầu, các văn bản dưới luật và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Dự án theo pháp luật.

Nhà máy nước

Tổ chức sản xuất nước đảm bảo tiêu chuẩn nước sạch phục vụ đầy đủ cho khách hàng; Bảo dưỡng sửa chữa thiết bị hệ thống dây truyền sản xuất nước sạch và đồng hồ theo đúng qui trình của nhà chế tạo; Gia công cơ khí phục vụ công ty; Kiểm định, sửa chữa đồng hồ, kẹp tri theo đề nghị của phòng Kinh doanh; Nâng chuyển đồng hồ theo tuyến và đơn lẻ; Kiểm định đồng hồ Công ty nhập chưa qua kiểm định; Kiểm định đồng hồ trên toàn bộ mạng cấp nước theo pháp lệnh đo lường của Nhà nước quy định; Sửa chữa, bảo dưỡng các van của mạng từ Φ 80 trở lên.

Đội Xây lắp

Tổ chức thi công các hạng mục công trình xây lắp, hạch toán độc lập ở các đội; Thực hiện công việc khi công ty giao; Tìm thị trường và thi công các công trình theo đăng ký hành nghề; Tổ chức quản lý thi công theo đúng Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng.

Tổ thi công

Tổ chức các công việc do Công ty khoán nhân công cho tổ thực hiện. Bao gồm: Lắp đặt bổ sung đồng hồ; Lắp đặt mới, thay thế, sửa chữa các tuyến ống cấp nước; Thi công các công việc khác do Công ty giao; Thi công các công việc do Đội xây lắp giao.

CÔNG TY CON & CÔNG TY LIÊN KẾT

Hiện tại, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang không có công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh nào.



VỊ THẾ CỦA CÔNG TY

Cạnh tranh trong ngành cấp nước tại tỉnh Bắc Giang là không đáng kể, do Công ty là đơn vị duy nhất đồng thời sản xuất và cung cấp nước sạch, có hệ thống phân phối trên địa bàn thành phố Bắc Giang và vùng lân cận. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có khoảng 10 doanh nghiệp kinh doanh hệ thống cung cấp nước sạch như: Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung xã Quang Châu (công suất 3.000 m³/ngày đêm); Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Việt Yên (công suất 5.000 m³/ngày đêm); Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Yên Dũng (công suất 12.000 m³/ngày đêm). So sánh với các doanh nghiệp này thì quy mô của công ty là lớn nhất tính đến thời điểm hiện tại. Tuy nhiên công ty mới đáp ứng được 80% nhu cầu dùng nước của thành phố Bắc Giang và kế hoạch đến năm 2020 sẽ cố gắng đạt 100%. Nhìn nhận khách quan Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đang có sẵn những lợi thế kèm theo những khó khăn như sau:

ĐIỂM MẠNH:

- Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang là doanh nghiệp vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vừa là nhà cung cấp trực tiếp sản phẩm nước sạch. Do Ban lãnh đạo Công ty hoạt động có hiệu quả nên chất lượng các hoạt động của Công ty ngày càng được cải thiện và nâng cao. Công ty ngày càng nhận được sự ủng hộ, quan tâm của các khách hàng khi sử dụng dịch vụ.
- Khi nền kinh tế ngày càng hội nhập và phát triển thì vấn đề về nước sạch sẽ ngày càng được Nhà nước quan tâm, sự hỗ trợ của các nước phát triển, các Tổ chức trong và ngoài nước. Chính vì vậy cơ hội phát triển ngành của Công ty là rất lớn.

ĐIỂM YẾU:

- Ngành cấp nước thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng nên vốn đầu tư lớn, chủ yếu là nguồn vốn vay, mục tiêu của dự án chủ yếu phục vụ an sinh xã hội, thời gian thu hồi vốn kéo dài...
- Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, sản phẩm hoạt động công ích của Công ty được thanh toán theo quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, do giá trị tài sản lớn, giá nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất thực tế. Nếu tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí của giá thành toàn bộ và lợi nhuận hợp lý thì giá tiêu thụ nước sạch sẽ tăng đột biến làm ảnh hưởng lớn đến phát triển sản xuất và an sinh xã hội của tỉnh Bắc Giang.
- Ban lãnh đạo của Công ty cũng như CBCNV chưa bắt kịp sự thay đổi cơ chế quản lý, vẫn còn tư tưởng trì trệ, bao cấp của một bộ phận người lao động.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Phương án đầu tư, tổ chức hoạt động kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần nước sạch Bắc Giang quyết định. Với những điều kiện thuận lợi hiện có của doanh nghiệp, kết hợp với những thông tin, dự báo về nhu cầu của tỉnh Bắc Giang trong tương lai, Công ty cổ phần nước sạch Bắc Giang xây dựng một số định hướng phát triển sản xuất kinh doanh như sau:

CƠ SỞ HOẠCH ĐỊNH

- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian trước.
- Căn cứ Quy hoạch tổng thể thành phố Bắc Giang đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 6/12/2013.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

- Công ty phấn đấu là doanh nghiệp luôn tăng trưởng và phát triển, tiến tới sẽ nhận quản lý thêm một số cơ sở cấp nước tại các đô thị trong toàn tỉnh.
- Phấn đấu là doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả cả về tài chính và kinh tế xã hội, nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Gắn mục tiêu phát triển của Công ty với sự phát triển cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- Thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong công tác cấp nước, giữ vững ổn định trong hoạt động của Công ty sau khi cổ phần hóa.
- Đảm bảo việc cấp nước đạt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và đảm bảo nhu cầu dùng nước của nhân dân thuộc các địa bàn Công ty được giao quản lý mạng lưới cấp nước.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên thống nhất, đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- Mở rộng ngành nghề hoạt động kinh doanh, tiến tới mở rộng thị trường nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.



CÁC RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang. Các rủi ro hình thành từ biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô chính như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái....

Năm 2017, kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tổng sản phẩm trong nước năm 2017 đạt 6,81%, mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016. Lãi suất huy động và tỷ giá hối đoái trong năm tương đối ổn định, lạm phát được kiểm chế ở mức 3,5%.

Công ty luôn theo sát những chuyển biến của nền kinh tế Thế giới và Việt Nam để có thể kịp thời ứng phó với rủi ro.

Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của xã hội nói chung và ngành nước nội riêng. Mọi thay đổi trong chính sách của chính phủ đều có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của Công ty.

Công ty hiện tại đang chịu rủi ro khi hoạt động dưới sự điều chỉnh và chưa hoàn thiện của pháp luật Việt Nam do có hệ thống chưa nhất quán, chặt chẽ và có sự chông chéo. Hơn thế nữa, là một công ty vừa chuyển đổi hình thức doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Ban lãnh đạo của Công ty cũng như Cán bộ công nhân viên chưa bắt kịp sự thay đổi cơ chế quản lý. Việt Nam hiện vẫn đang trong diện các nước đang phát triển nên các văn bản luật vẫn còn sẽ phải chỉnh sửa nhiều. Sự thay đổi về chính sách và luật tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro liên quan đến pháp luật liên quan đến cả một hệ thống, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích nghi để phát huy tối đa mặt lợi nhuận.



Rủi ro về mạng lưới phân phối nước

Đối với một doanh nghiệp khai thác và cung cấp nước sạch thì rủi ro thất thoát nước luôn là mối quan tâm hàng đầu của công ty. Rủi ro lớn nhất là rò rỉ, hư hỏng đường ống dẫn làm thất thoát nước ảnh hưởng đến nguồn nước của khách hàng cũng như hoạt động kinh doanh của công ty. Với mạng lưới phân bố rộng khắp gây nhiều khó khăn trong công tác kiểm soát. Bên cạnh đó một bộ phận người dân thiếu ý thức chấp hành quy định như gian lận chỉ số khi sử dụng nước gây thất thoát trầm trọng.

Định kỳ, các bộ phận chuyên trách tại Công ty lại tiến hành kiểm tra và rà soát hệ thống cung cấp nước nhằm khắc phục cũng như giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra đối với mạng lưới phân phối nước này. Có kế hoạch cụ thể cho việc tu sửa, nâng cấp đường ống, xây hàng rào và nhà bảo vệ cho các trạm bơm, trạm tăng áp. Tăng cường kiểm tra giám sát các hộ gia đình, cơ sở sản xuất có dấu hiệu gian lận để tránh thất thoát.

Rủi ro môi trường

Với hoạt động chính là khai thác và cung cấp nước sạch, trong quá trình hoạt động Công ty không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực nhà máy. Bên cạnh đó,

chất lượng nước cung cấp cũng sẽ là yếu tố tác động trực tiếp đến đời sống dân cư.

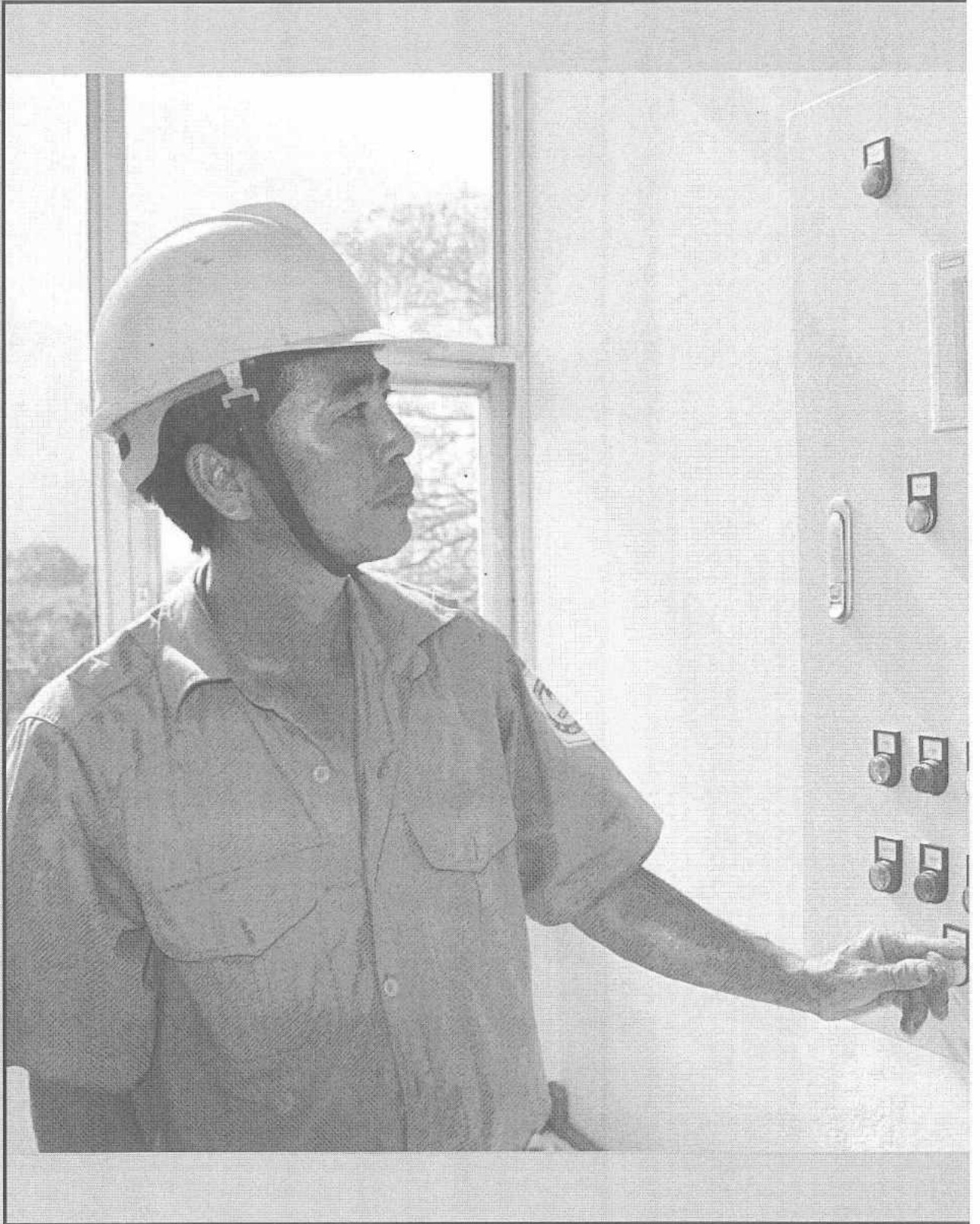
Công ty luôn ý thức trách nhiệm được trách nhiệm đối với môi trường thông qua các công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước và tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước. Đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm.

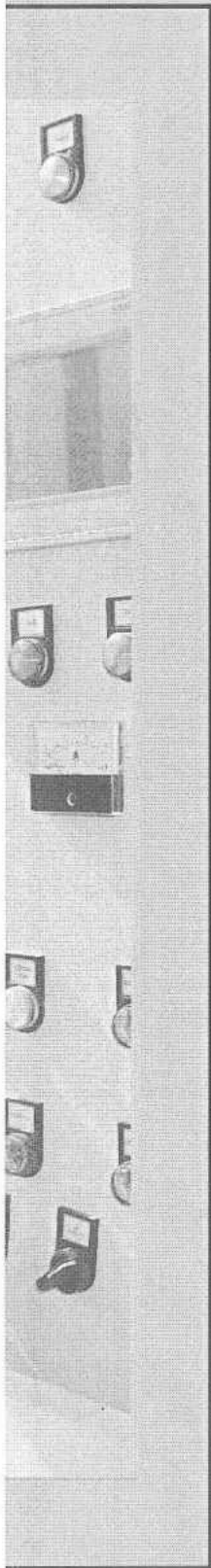
Công ty có sự kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường. Hệ thống công nghệ áp dụng được bảo trì định kỳ, đảm bảo duy trì trạng thái hoạt động của máy móc ở mức tốt nhất để tạo ra dòng nước sạch phân phối đến khách hàng.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLD, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...







2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2017

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI NĂM TRƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | TH 2016 | TH 2017 | 2017/2016 (%) |
|----------------------|---------|---------|---------------|
| Doanh thu thuần | 88.292 | 113.357 | 128,39% |
| Giá vốn hàng bán | 50.416 | 66.733 | 132,36% |
| Lợi nhuận trước thuế | 4.756 | 7.139 | 150,11% |
| Lợi nhuận sau thuế | 3.804 | 5.709 | 150,08% |

CƠ CẤU DOANH THU THEO SẢN PHẨM



CƠ CẤU DOANH THU THEO KHU VỰC



Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | TH 2016 | TH 2017 |
|----------|--|---------------|----------------|
| 1 | Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm | | |
| - | Nước sạch | 83.968 | 105.179 |
| - | Xây lắp | 4.327 | 8.234 |
| 2 | Cơ cấu doanh thu theo khu vực | | |
| - | Khu vực TP Bắc Giang | 86.734 | 111.171 |
| - | Khu vực Lục Nam | 1.561 | 2.243 |
| 3 | Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 88.295 | 113.414 |

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

| Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2017 | TH 2017 | TH2017/ KH2017(%) |
|-------------------------|------------|---------|---------|----------------------|
| Tổng doanh thu | Triệu Đồng | 110.500 | 118.812 | 107,52% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | Triệu Đồng | 4.400 | 5.709 | 129,75% |
| Cổ tức | Đồng | 157 | 173 | 110,19% |

Tổng doanh thu năm 2017 của công ty là 118,812 đạt 107,52% kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 5,71 tỷ đồng, đạt 129,75% kế hoạch và tăng 50,08% so với cùng kỳ.

Nhìn chung, trong năm 2017 Công ty đã hoạt động hiệu quả, biểu hiện là các chỉ tiêu hoạt động của công ty đều đạt và vượt kế hoạch đã đề ra; đồng thời hầu hết các chỉ tiêu đều tăng so với năm 2016.

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Hướng Xuân Công
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 28/03/1969

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ xây dựng

Quá trình công tác:

- Từ 08/1993 - 12/1996: Nhân viên P. KT - VT Công ty cấp thoát nước Hà Bắc
 - Từ 01/1997 - 05/2005: Trưởng phòng KT - VT Công ty cấp thoát nước Hà Bắc
 - Từ 05/2005 - 10/2011: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Giang
 - Từ 10/2011 - 11/2015: Chủ tịch - Giám đốc Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Giang
 - Từ 11/2015 - 04/2017: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP nước sạch Bắc Giang
 - Từ 05/2017 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP nước sạch Bắc Giang
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 15,635,246 cổ phiếu chiếm 86,15% vốn Điều lệ
- Đại diện sở hữu: 15,583,146 cổ phần, chiếm 85.86% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 52,100 cổ phần, chiếm 0.29% vốn điều lệ



Ông Trần Đăng Điều
Thành viên Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 20/5/1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, thạc sĩ Quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

- 10/1995-12/2002: Cán bộ phòng kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang
 - 01/2003-02/2005: Phó trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang
 - 03/2005-11/2011: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang
 - 12/2011-11/2015: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang
 - 12/2015-04/2017: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang
 - 05/2017-Nay: Giám đốc Công ty CP Nước sạch Bắc Giang
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 38,900 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 38,900 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ



Ông Phạm Hùng

Thành viên Hội đồng quản trị
kiêm Phó giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 18/04/1967

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 7/1988 - 11/1991: Nhân viên Đài Truyền thanh TX Bắc Giang, sau là Phòng Văn hóa TX Bắc Giang
- Từ 12/1991 - 8/1994: Nhân viên Đội Điện nước, Cty Quản lý Công trình Đô thị TX Bắc Giang
- Từ 9/1994 - 12/1996: Nhân viên phòng Kế hoạch - kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Hà Bắc
- Từ 1/1997 - 12/1998: Nhân viên phòng Kế hoạch - kỹ thuật, Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 1/1999 - 7/2000: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 8/2000 - 3/2003: Nhân viên phòng Kinh doanh, Công ty cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 4/2003 - 12/2006: Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Kế toán - Thống kê, Công ty cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 7/2006 - 11/2012: Trưởng phòng Kế toán - Thống kê, Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 12/2012 - 10/2015: Phó giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 11/2015 - nay: TVHDQT, Phó giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 38,600 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 38,600 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ



Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Thành viên Hội đồng quản trị
kiêm Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 16/04/1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 1999 - 2000: Công tác tại Công ty TNHH Phú Thái - Hà Nội
- Từ 2001 - nay: Công tác tại phòng Kế toán - Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 38,200 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 38,200 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ



Ông Lê Ngọc Duyên
Thành viên Hội đồng quản trị
kiêm Phó giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 14/01/1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- 01/1992-10/2002: Cán bộ phòng kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang
 - 11/2002-12/2006: Chuyên viên ban quản lý dự án Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang
 - 01/2007-12/2007: Chuyên viên phòng kỹ thuật Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang
 - 01/2008-09/2012: Phó trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang
 - 10/2012-04/2017: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Nước sạch Bắc Giang
 - 05/2017-Nay: Phó giám đốc Công ty CP Nước sạch Bắc Giang
- Tổng số cổ phần: 31.200 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 31.200 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ

BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
Trưởng Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 13/06/1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/01/2013-30/03/2003: Công tác tại phòng TC-HC Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang
- 01/04/2013-Nay: Công tác tại phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Tổng số cổ phần: 19.100 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 19.100 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ

Bà Vũ Thị Thúy
Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 12/10/1981

Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học quản lý

Quá trình công tác:

- Từ tháng 4/2002 đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Tổng số cổ phần: 15.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 15.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

Bà Hoàng Thị Thảo
Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 30/10/1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/2004-04/2010: Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Bắc Giang
- 05/2010-Nay: Công tác tại Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Tổng số cổ phần: 8.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 8.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ

NHÂN SỰ & CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

267 người



159



108



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Căn cứ vào chế độ về tiền lương do Nhà nước quy định.
- Việc trả lương thực hiện theo quy chế trả lương trả thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc.
- Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước.
- Về tiền thưởng: theo quy định của nhà nước và quy chế của Công ty.
- Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc theo đúng quy định hiện hành.
- Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của cán bộ công nhân viên.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động và các chính sách của Công ty

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ & THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tổng giá trị đầu tư năm 2017 giá trị đầu tư đạt: 39,92 tỷ đồng, vượt 33 % KH năm. Cụ thể:

- Công trình đầu tư cấp nước cho các khu dân cư tại các xã Song Khê, Yên Khê, Tân Phượng, Tân Mỹ, Đồng Sơn và Song Mai...; Cải tạo đường ống, thay thế các tuyến ống cấp nước thép tráng kẽm bằng ống HDPE; Lắp đặt bổ sung phát triển khách hàng; Thay thế 3.402 đồng hồ đã hết niên hạn. Tổng kinh phí: 17,0 tỷ đồng.
- Công trình đường ống D500 từ Trạm bơm 1 về Khu xử lý: 4,0 tỷ đồng.
- Công trình đường ống D200 bổ sung cấp nước cho khu vực Tân An và Dĩnh Trì: 1,30 tỷ đồng.
- Công trình cải tạo Trạm bơm Tân An: 2,50 tỷ đồng.
- Công trình Lắp đặt tấm lợp lamen bể lắng số 2,3; lắp đặt hệ thống cào bùn cho bể lắng số 3: 4,80 tỷ đồng.
- Công trình sửa chữa, ốp bể, lát hành lang và lắp đặt lan ca n inox các bể lắng, bể lọc, cải tạo Trạm bơm truyền tải: 1,20 tỷ đồng.
- Cải tạo Trạm bơm nước thô, Trạm xử lý, chỉnh trang lại các khu vực tại Nhà máy và các tổ QLN phòng Kinh doanh: 500 triệu đồng.
- Tuyến ống cấp nước D400 cấp nước cho khu Đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang. Kinh phí: Khoảng 8,0 tỷ đồng.
- Đầu tư công nghệ mới vào quản lý mạng: 220 triệu đồng.
- Xây dựng và sửa chữa nhà cửa; mua sắm trang thiết bị và phương tiện phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh. Kinh phí: 400 triệu đồng.



CỔ ĐÔNG & THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tính đến hết ngày 31/12/2017, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đã phát hành 18.149.446 cổ phiếu, Trong đó:

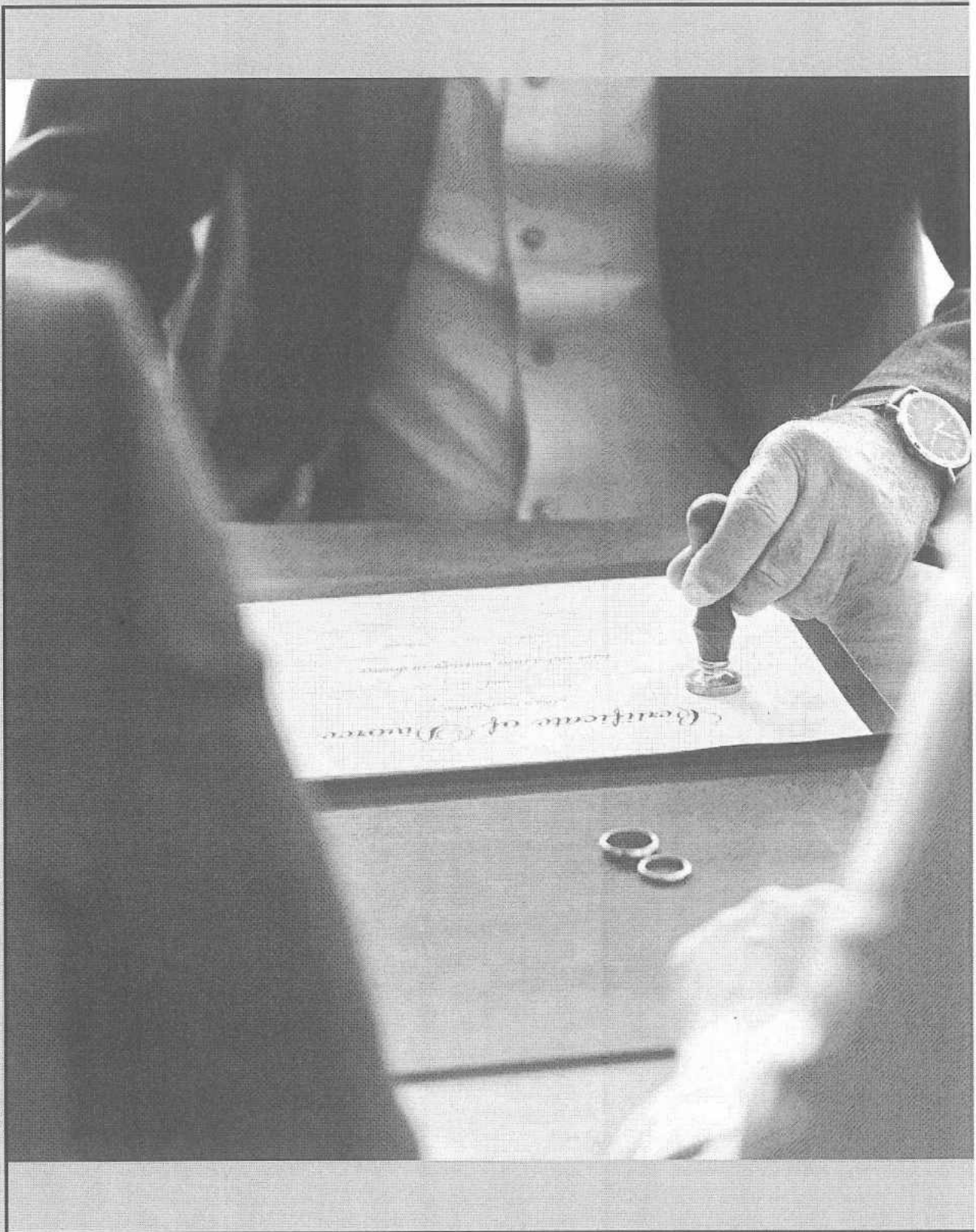
- Số cổ phiếu phổ thông: 18.149.446 cổ phiếu
- Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 18.149.446 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|------------------|------------------|-------------------|----------------|
| Cổ đông Nhà nước | 1 | 15,583,146 | 85.86% |
| Cá nhân | 275 | 2,566,300 | 14.14% |
| Tổ chức | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | 276 | 18,149,446 | 100.00% |

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

| Tên tổ chức/cá nhân | Số CMND | Địa chỉ | Số lượng CP | Tỷ lệ |
|--------------------------------|---------|--|-------------|--------|
| Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang | | Đường Hùng Vương, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang | 15.583.146 | 85,86% |





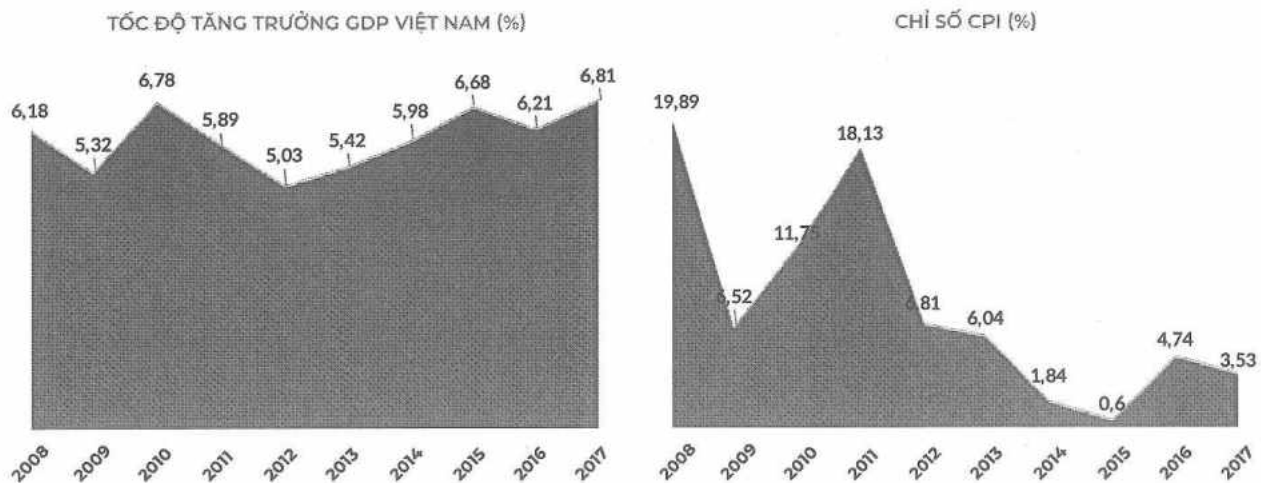
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ 2017

Năm 2017, kinh tế thế giới tiếp tục hồi phục mạnh mẽ. Theo báo cáo Ngân hàng Thế giới, nền kinh tế thế giới tăng trưởng ở mức 3%. Kinh tế toàn cầu khởi sắc phản ánh sự phục hồi ở các nền kinh tế tiên tiến đồng thời điều kiện xuất khẩu thương phẩm đang được cải thiện cho các quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi. Tuy nhiên, xu hướng gia tăng của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị, chính sách thương mại của một số nước lớn đang là những thách thức đối với kinh tế nước ta.

Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2017 có nhiều diễn biến tích cực, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,7%, là mức cao nhất trong gần 10 năm qua và vượt mục tiêu 6,7% mà Quốc hội đã đề ra. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức 3,53%; kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam chạm ngưỡng 400 tỷ USD, xuất siêu 2,7 tỷ USD, khu vực công nghiệp phục hồi rõ nét, trở thành động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế. Trong năm, Việt Nam đã tổ chức thành công hội nghị APEC 2017 với tuyên bố chung cấp cao khẳng định khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục đẩy mạnh tự do hóa thương mại đầu tư, tiếp tục là động lực tăng trưởng bền vững, ủng hộ tiến trình toàn cầu hóa.



ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2017

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Công ty có những thuận lợi như: CBCNV trong công ty luôn đoàn kết, có ý thức trách nhiệm và tổ chức kỷ luật tốt; có sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các ngành, UBND thành phố, huyện Lục Nam và UBND phường, xã trên địa bàn; kinh doanh trong điều kiện thuận lợi: lượng khách hàng luôn tăng trưởng tốt và kinh doanh sản phẩm nước sạch là mặt hàng thiết yếu đối với mỗi gia đình.

ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2017

Các mặt đã làm được

Năm 2017 nhờ có chỉ đạo, phối hợp và thống nhất giữa Đảng bộ, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty trong sự lãnh đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, sự nỗ lực cố gắng của các phòng ban chức năng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã phấn đấu vượt qua khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra như: Công tác sản xuất nước đảm bảo chất lượng, lưu lượng và áp lực; Doanh thu và sản lượng nước đều tăng; tỷ lệ thất thoát giảm; Công tác đầu tư xây dựng tại nhà máy và mạng được thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng, kỹ thuật; nguồn vốn của công ty được bảo toàn và tăng trưởng, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách và nâng cao thu nhập cho người lao động, CBCNV yên tâm công tác và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Công ty.

Khó khăn & những hạn chế còn tồn tại

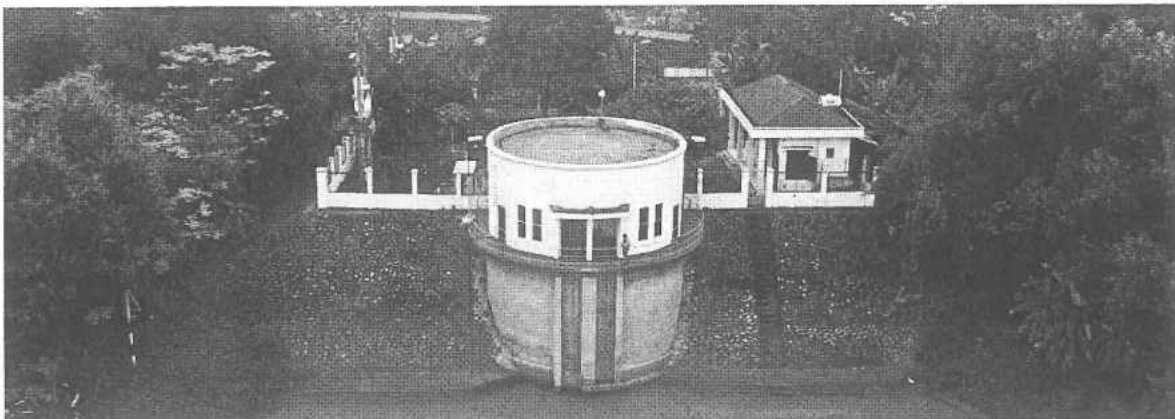
Khó khăn

Năm 2017, Công ty cũng gặp một số khó khăn như: Nguy cơ ô nhiễm nguồn nước sông Thương; Công ty bắt đầu phải cạnh tranh với các doanh nghiệp cấp nước khác trên địa bàn như Công ty Nam Sơn, Công ty CPĐT 206...; một số CBCNV ý thức và trách nhiệm còn kém, vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, năng suất lao động thấp.

Những hạn chế còn tồn tại

Bên cạnh kết quả đã đạt được, còn có những hạn chế như sau:

- Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung giải quyết nhưng chưa có giải pháp để cấp nước an toàn khi mà nguồn nước thô Sông Thương có nguy cơ ô nhiễm.
- Các phong trào thi đua mới có chiều rộng, về chiều sâu còn hạn chế, công tác tổng kết và nhân rộng các gương người tốt, việc tốt còn hạn chế
- Chưa cương quyết với Nhà thầu trong việc thi công Dự án mở rộng trạm bơm Tân An dẫn đến tiến độ chậm so với kế hoạch.
- Công tác tuyên truyền chế độ chính sách pháp luật của Nhà nước, nhất là những chính sách, quy định mới có hiệu lực trong năm 2018 đến CBCNV có lúc còn chưa kịp thời...
- Chậm đổi mới về phương thức trả lương nên chưa tạo động lực cho CBCNV trong thực hiện nhiệm vụ. Công tác quản lý các tổ xây lắp đã có đổi mới nhưng chưa đạt được như kỳ vọng dẫn tới thu nhập của công nhân xây lắp còn thấp so với mặt bằng của công ty.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2017

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | TH 2016 | TH 2017 | % tăng/giảm |
|----------------------------|----------------------------------|----------|---------|---------|-------------|
| Thành phố Bắc Giang | | | | | |
| 1 | Doanh thu nước (Bao gồm cả thuế) | Tỷ đồng | 86,04 | 107,27 | 24,67 % |
| 2 | Nước thô | Triệu m3 | 12,48 | 12,95 | 3,70 % |
| 3 | Nước Thương phẩm | Triệu m3 | 10,2 | 11,09 | 9 % |
| 4 | Thất thoát chung | % | 18,19 | 14,35 | - 3,84 % |
| 5 | Phát triển khách hàng | Đầu nối | 2.426 | 4.627 | 90 % |
| 6 | Công tác đầu tư | Tỷ đồng | 21,49 | 39,92 | 28 % |
| Khu vực Lục Nam | | | | | |
| 1 | Doanh thu nước | Tỷ đồng | 1,64 | 2,35 | 43 % |
| 2 | Nước thô | Nghìn m3 | 287 | 357 | 24,3 % |
| 3 | Nước Thương phẩm | Nghìn m3 | 236 | 287 | 21,6 % |
| 4 | Thất thoát | % | 17,81 | 19,65 | 1,84 % |
| 5 | Phát triển khách hàng | Đầu nối | | 346 | |

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | KH 2017 | TH 2017 | % tăng/giảm |
|----------------------------|----------------------------------|----------|---------|---------|-------------|
| Thành phố Bắc Giang | | | | | |
| 1 | Doanh thu nước (Bao gồm cả thuế) | Tỷ đồng | 107 | 107,27 | 0,25 % |
| 2 | Nước thô | Triệu m3 | 13,36 | 12,95 | - 3 % |
| 3 | Nước Thương phẩm | Triệu m3 | 11,02 | 11,09 | 0,67 % |
| 4 | Thất thoát chung | % | 17 | 14,35 | - 2,65 % |
| 5 | Phát triển khách hàng | Đầu nối | 2.500 | 4.627 | 185 % |
| 6 | Công tác đầu tư | Tỷ đồng | 30 | 39,92 | 33 % |
| 7 | Thay thế đồng hồ | Chiếc | 4.000 | 3.402 | - 15 % |
| Khu vực Lục Nam | | | | | |
| 1 | Doanh thu nước (Bao gồm cả thuế) | Tỷ đồng | 2,5 | 2,35 | - 6 % |
| 2 | Nước thô | Nghìn m3 | 359 | 358 | - 0,28 % |
| 3 | Nước Thương phẩm | Nghìn m3 | 295 | 287 | - 2,6 % |
| 4 | Thất thoát | % | 18 | 19,65 | 1,65 % |
| 5 | Phát triển khách hàng | Đầu nối | 150 | 346 | 130 % |

ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG 2017

Công tác thực hiện nhiệm vụ sản xuất

Xác định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của đơn vị là tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả đảm bảo sự ổn định, tồn tại cũng như phát triển của Doanh nghiệp. Vì vậy, Ban giám đốc đã chỉ đạo:

- Các quy trình, quy phạm trong khâu sản xuất được tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc chặt chẽ, có sự kiểm tra đôn đốc thường xuyên từ lãnh đạo được giao nhiệm vụ quản lý trực tiếp, đến quản đốc và các ca trưởng. Các Nhà máy nước phải luôn sản xuất nước đảm bảo ba tiêu chí đó là: chất lượng, lưu lượng và áp lực.
- Thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên, nghiêm túc, các sự cố luôn được khắc phục kịp thời nhanh chóng, đảm bảo hệ thống cấp nước hoạt động an toàn và hiệu quả cao nhất.
- Quan tâm công tác kiểm tra chất lượng nguồn nước thô và báo cáo kịp thời lên các cấp khi chất lượng nguồn nước thô có nguy cơ bị ô nhiễm.

Công tác kinh doanh nước sạch

- Thực hiện kế hoạch được Đại hội Cổ đông thường niên thông qua, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban giám đốc đã thực hiện việc mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước tại các khu vực trên địa bàn Thành phố Bắc Giang và các vùng lân cận. Tính đến tháng 12/2017, Công ty quản lý 44.617 đầu nối. (bao gồm cả địa bàn Bắc Giang và Lục Nam).
- Chỉ đạo công tác giảm thất thoát: Tập trung chỉ đạo khoanh vùng thay thế đường ống cũ có khả năng rò rỉ cao, những đồng hồ hết niên hạn sử dụng.
- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ, van mạng, phát hiện và sửa chữa kịp thời các sự cố, chú trọng công tác đọc số và vào sổ, thu tiền hàng tháng nộp vào ngân hàng và quỹ đúng quy định.
- Phối kết hợp tốt với các cấp chính quyền địa phương nhằm tháo gỡ và xử lý những vụ việc liên quan đến Hệ thống cấp nước của đơn vị cũng như khi địa phương cải tạo nâng cấp đường ngõ, xóm.

Công tác đầu tư

Bám sát vào nhiệm vụ chung của Công ty và tình hình phát triển đô thị, phát triển kinh tế của Thành phố Bắc Giang. Ban giám đốc đã chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư trình HĐQT, giá trị đầu tư là 30 tỷ đồng, kết quả trong năm đạt: 39,92 tỷ đồng, vượt 33 % KH năm. Cụ thể:

- Công trình đầu tư cấp nước cho các khu dân cư tại các xã Song Khê, Yên Khê, Tân Phượng, Tân Mỹ, Đồng Sơn và Song Mai ...; Cải tạo đường ống, thay thế các tuyến ống cấp nước thép tráng kẽm bằng ống HDPE; Lắp đặt bổ sung phát triển khách hàng; Thay thế 3.402 đồng hồ đã hết niên hạn. Tổng kinh phí: 17,0 tỷ đồng.
- Công trình đường ống D500 từ Trạm bơm 1 về Khu xử lý: 4,0 tỷ đồng.
- Công trình đường ống D200 bổ sung cấp nước cho khu vực Tân An và Đình Trì: 1,30 tỷ đồng.
- Công trình cải tạo Trạm bơm Tân An: 2,50 tỷ đồng.
- Công trình Lắp đặt tấm lợp lamen bể lắng số 2,3; lắp đặt hệ thống cào bùn cho bể lắng số 3: 4,80 tỷ đồng.
- Công trình sửa chữa, ốp bể, lát hành lang và lắp đặt lan can inox các bể lắng, bể lọc, cải tạo Trạm bơm truyền tải: 1,20 tỷ đồng.
- Cải tạo Trạm bơm nước thô, Trạm xử lý, chỉnh trang lại các khu vực tại Nhà máy và các tổ QLN phòng Kinh doanh: 500 triệu đồng.
- Tuyến ống cấp nước D400 cấp nước cho khu Đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang. Kinh phí: Khoảng 8,0 tỷ đồng.
- Đầu tư công nghệ mới vào quản lý mạng: 220 triệu đồng.
- Xây dựng và sửa chữa nhà cửa; mua sắm trang thiết bị và phương tiện phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh. Kinh phí: 400 triệu đồng.

Các công trình trên đều được thực hiện đúng quy trình xây dựng cơ bản, chất lượng luôn đảm bảo và đạt tiến độ đề ra, phát huy hiệu quả cao.

Công tác lãnh chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ

- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được xây dựng thể hiện rõ Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã phát huy quyền hạn, tính năng động, sáng tạo, mạnh dạn đầu tư, tạo quyền tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác tổ chức cán bộ: Thực hiện theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ của công ty, Công ty kiện toàn nhân sự trong ban lãnh đạo cũng như các phòng ban để tăng cường công tác quản lý đối với các dự án, công trình trọng điểm của Công ty.
- Công ty Ban hành “ Quy chế phối hợp làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban giám đốc” gắn rõ trách nhiệm, quyền hạn đối với từng chức danh quản lý.
- Ký kết “Thỏa ước lao động tập thể” thể hiện những cam kết giữa người sử dụng lao động và người lao động : 100% người lao động được tham gia BHXH; Công tác đào tạo nâng bậc, nâng lương được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, trong năm đã có 45 trường hợp đủ điều kiện nâng bậc, nâng lương...
- Công tác chỉ đạo thi công xây lắp: Ban Giám đốc đã tổ chức các hội nghị đánh giá quá trình thi công các công trình để rút ra bài học kinh nghiệm và tìm ra giải pháp thi công đạt hiệu quả tốt nhất. Bố trí các công trình thi công hợp lý, không để các tổ xây lắp phải chờ việc khi chuyển từ công trình này sang công trình khác. Năm 2017 là một năm phát triển khách hàng mạnh mẽ nhất, đã lắp đặt được hơn 4.000 khách hàng tại xã Song Khê, Song Mai, Tân Mỹ và xã Đồng Sơn để cấp nước kịp thời cho nhân dân.
- Công tác đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ: Hàng năm Công ty tổ chức tập huấn luyện ATLĐ và VSLĐ, phòng chống cháy nổ cho CBCNV toàn Công ty, khám sức khỏe định kỳ cho 100% người lao động, nội quy lao động cũng được ban hành và treo đầy đủ tại các vị trí sản xuất.
- Công tác an sinh xã hội: Tham gia xây dựng nông thôn mới, đóng góp các quỹ từ thiện cho người nghèo, quỹ hỗ trợ thiên tai bão lụt, Quỹ khuyến học trị giá trên 358 triệu đồng.

- Công tác chỉ đạo và phối hợp giữa chính quyền và các đoàn thể được thực hiện thường xuyên, chính quyền đã tạo điều kiện tốt nhất cho các đoàn thể hoạt động, kết quả năm 2017 các Đoàn thể được đánh giá trong sạch vững mạnh và vững mạnh xuất sắc.

Công tác thực hiện chính sách đối với người lao động

- Các chế độ về tiền lương, tiền thưởng và chính sách đối với người lao động luôn được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty đã bố trí sắp xếp sử dụng hợp lý số lao động hiện có, đảm bảo 100% người lao động có việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định. 6 tháng cuối năm, Công ty ra quyết định điều chỉnh nhân công khối xây lắp từ mức trung bình 270.000đ/ngày công lên 300.000đ/ngày công. Thu nhập bình quân toàn công ty đạt: 8,8 triệu đồng/ người/tháng, không có hiện tượng nợ lương. Đóng bảo hiểm cho 100% CBCNV với tổng số tiền BHXH Công ty đã nộp năm 2017 là: 4,5 tỷ đồng. Các chế độ thăm quan, nghỉ mát, văn nghệ, thể thao được công ty quan tâm và thực hiện thường xuyên để nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.
- Thực hiện kịp thời công tác thi đua khen thưởng trong việc bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm, ngoài ra Công ty khen thưởng đột xuất bằng tiền mặt cho tập thể hoàn thành vượt mức kế hoạch: Thưởng 10 triệu đồng cho Tổ sửa chữa trong công tác lắp đặt tuyến ống D200 cấp nước Tân An, thưởng 10 triệu đồng tổ quản lý nước Mỹ Độ trong công tác phát triển khách hàng, thưởng 05 triệu đồng tổ quản lý nước Tân An trong công tác quản lý cấp nước mùa hè...

Công tác tài chính

Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, hoàn thành các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, thanh quyết toán nội bộ đúng quy định.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2017

CƠ CẤU TÀI SẢN, NGUỒN VỐN

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | Thay đổi |
|-----------------------|----------------|----------------|---------------|
| Tài sản ngắn hạn | 107.593 | 120.016 | 11,55 % |
| Tài sản dài hạn | 96.467 | 98.890 | 2,51 % |
| Tổng tài sản | 204.061 | 218.906 | 7,27 % |
| Nợ phải trả | 19.835 | 33.728 | 70,04 % |
| - Nợ ngắn hạn | 15.621 | 22.952 | 46,93 % |
| - Nợ dài hạn | 4.215 | 10.776 | 155,66 % |
| Vốn chủ sở hữu | 184.225 | 185.178 | 0,52 % |
| Tổng nguồn vốn | 204.061 | 218.906 | 7,27 % |

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu | 2016 | 2017 |
|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT | 791.072.347 | 906.694.266 |
| Thuế TNDN | 930.102.447 | 1.099.535.396 |
| Tiền thuê đất | 9.293.838 | 9.293.838 |
| Thuế Tài nguyên | 284.761.960 | 297.651.805 |
| Thuế môn bài | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 24.275.495 | 85.621.551 |
| Phí nước thải | 3.183.761.609 | 6.385.244.009 |
| Cổ tức nộp NSNN | 0 | 2.880.978.340 |
| Tổng | 5.226.267.696 | 11.668.019.205 |

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2018, công tác sản xuất kinh doanh nước sạch sẽ gặp những khó khăn trước mắt sau:

- Theo cam kết, Công ty sẽ phải mua lại nước của Công ty DNP nên công tác phát triển khách hàng năm 2018 phải đẩy mạnh hơn nữa, trong khi địa bàn cấp nước đã có những đơn vị cạnh tranh, dẫn đến việc phát triển khách hàng ngày càng gặp nhiều khó khăn.
- Giá điện bắt đầu tăng từ ngày 01/12/2017, do vậy sẽ đẩy giá thành sản xuất nước tăng, trong khi giá nước vẫn giữ nguyên.

CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Chỉ tiêu tài chính năm 2018

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | KH 2018 | So với TH 2017 |
|----|----------------------|---------|---------|----------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 120 | Tăng 5,8 % |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 8 | Tăng 12 % |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 6,4 | Tăng 12 % |
| 4 | Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 10 | Tăng 8,6 % |
| 5 | Nộp BHXH | Tỷ đồng | 6,35 | Tăng 40 % |
| 6 | Lương bình quân | Tr.đồng | 9,3 | Tăng 6 % |
| 7 | Tỷ lệ trả cổ tức | % | 1,94 | Tăng 12 % |

Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh năm 2018

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | KH 2018 | So với TH 2017 |
|-------------------------------|-----------------------|----------------------|---------|----------------|
| Nhà máy nước Bắc Giang | | | | |
| 1 | Doanh thu | Tỷ đồng | 114,77 | Tăng 7 % |
| 2 | Nước thô | Triệu m ³ | 13,73 | Tăng 6% |
| 3 | Nước thương phẩm | Triệu m ³ | 11,87 | Tăng 7 % |
| 4 | Tỷ lệ thất thoát | % | 13,5 | Giảm 0,85 |
| 5 | Phát triển khách hàng | Đầu nối | 5.000 | Tăng 8% |

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | KH 2018 | So với TH 2017 |
|-----------------------------|-----------------------|----------|---------|----------------|
| Xí nghiệp CN Lục Nam | | | | |
| 1 | Doanh thu: | Tỷ đồng | 2,94 | Tăng 25% |
| 2 | Nước thô | Nghìn m3 | 447 | Tăng 25% |
| 3 | Nước thương phẩm | Nghìn m3 | 363,6 | Tăng 27% |
| 4 | Tỷ lệ thất thoát | % | 18,65 | Giảm 1 % |
| 5 | Phát triển khách hàng | Đầu nổi | 150 | Giảm 56% |

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ NĂM 2018

Căn cứ vào phương án phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước sạch của thành phố Bắc Giang và các vùng lân cận giai đoạn 2017 - 2018; căn cứ vào Quy hoạch phát triển của thành phố Bắc Giang năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Công ty xây dựng kế hoạch như sau:

TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ: 55 tỷ đồng

- Nâng cao tự động hóa trong công tác xử lý, vận hành tại các khu vực của Nhà máy và quản lý lưu lượng, áp lực trên mạng lưới; Cải tạo cơ sở hạ tầng, sửa chữa thay thế công trình đã xuống cấp và nâng cấp dây chuyền công nghệ xử lý nước đảm bảo các yêu cầu về môi trường. Giá trị khoảng 16 tỷ đồng.
- Đầu tư tuyến ống truyền tải số 2 Nhà máy nước Bắc Giang, các tuyến ống cấp nguồn nước cho các xã Song Mai, Tân Tiến, Dĩnh Trì, Hương Gián, thị trấn Tân Dân, xã Thái Đào và một số khu vực thị trấn Đồi Ngô. Phát triển khách hàng tại các xã Song Mai, Đông Sơn, Dĩnh Trì, Tân Tiến. Giá trị khoảng: 33 tỷ đồng.
- Đầu tư công nghệ vào quản lý kinh doanh, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng doanh thu. Giá trị khoảng 5 tỷ đồng.
- Lắp đặt bổ sung và phát triển khách hàng: Lắp mới 5.000 đầu nổi.
- Mua sắm trang thiết bị: 01 tỷ đồng
- Xây dựng trụ sở làm việc: Xin chủ trương chuyển trụ sở Văn phòng ra khu đất mới.

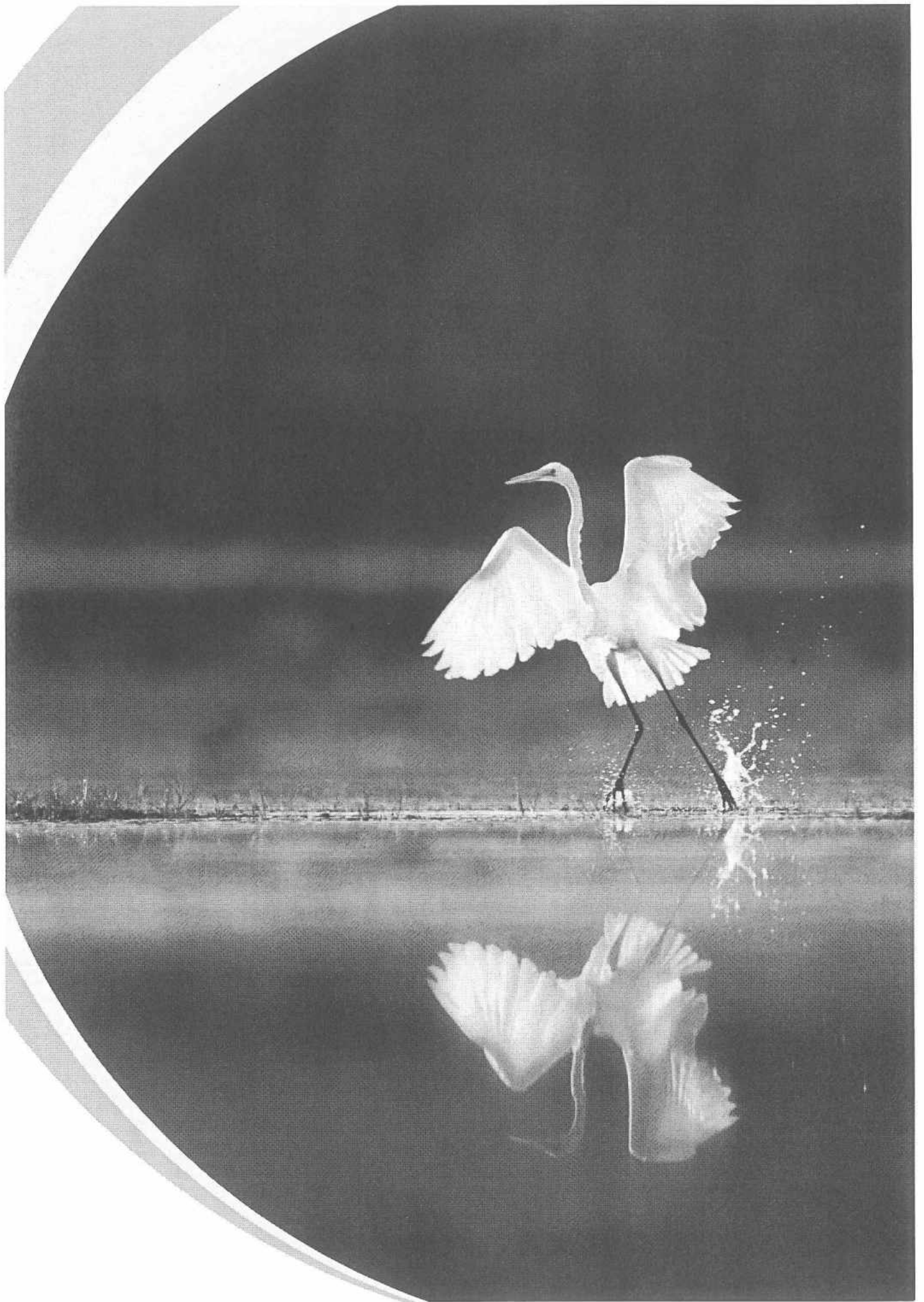


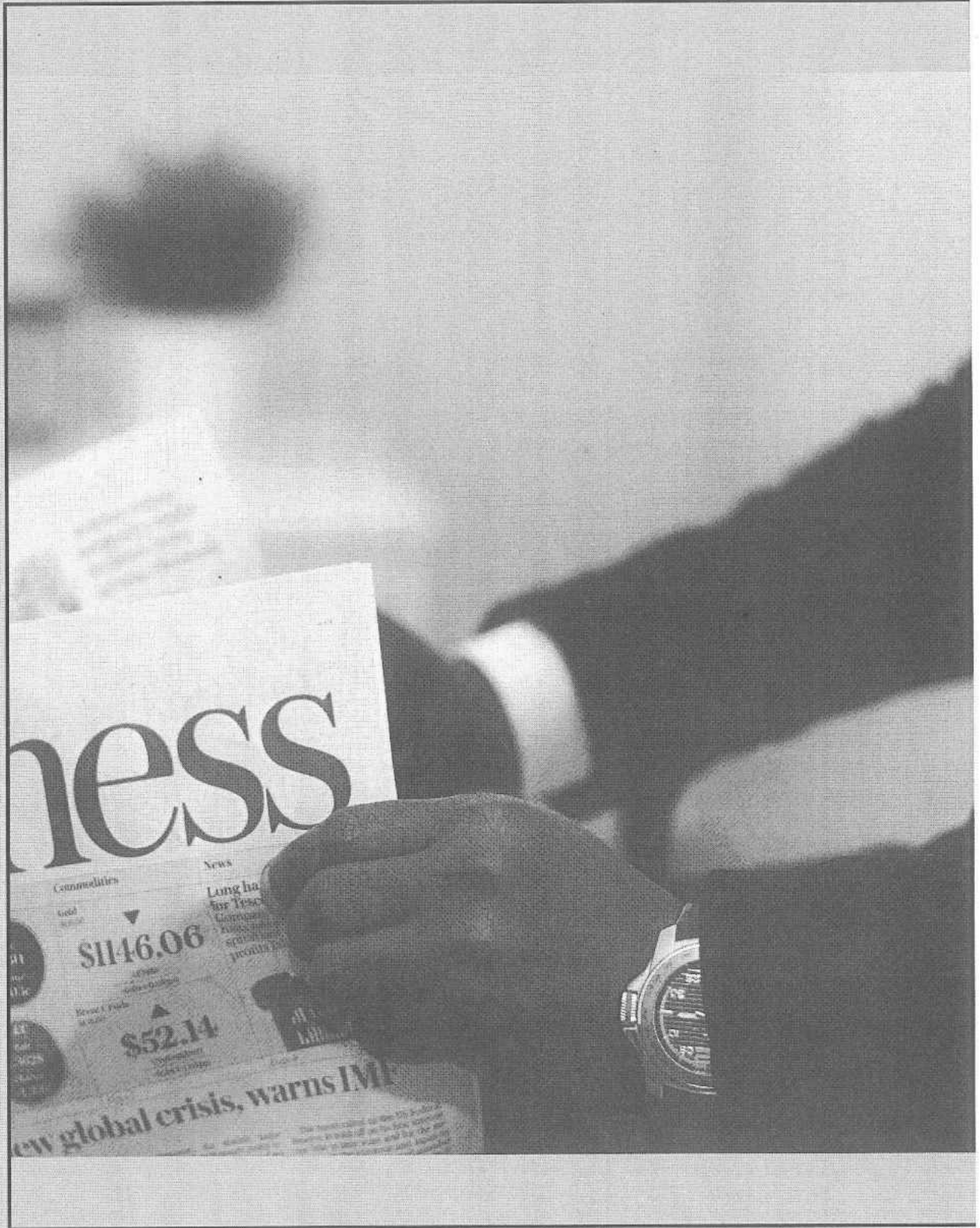
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017, và kế hoạch năm 2018, Ban giám đốc đề ra các giải pháp để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

- Tăng cường công tác quản lý để sản xuất nước an toàn, cung cấp nước cho khách hàng đảm bảo tiêu chí: Lưu lượng, áp lực và chất lượng nước.
- Tiếp tục đầu tư và áp dụng công nghệ mới tại các Nhà máy nước để nâng cao chất lượng nước và khả năng quản lý; lắp đặt đan chụp lọc HDPE, lắp SCADA, bể xử lý bùn ...
- Đầu tư công nghệ vào quản lý kinh doanh, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng doanh thu như sử dụng hóa đơn điện tử, trả tiền nước qua tài khoản... tăng cường và đổi mới công tác dịch vụ khách hàng trong tình hình mới khi có sự cạnh tranh trong kinh doanh nước sạch. Chú trọng công tác đào tạo tại chỗ, nâng cao trình độ chuyên môn, cũng như kỹ năng giao tiếp, ứng xử khách hàng thành chuẩn mực văn hóa trong Công ty.
- Tổ chức công tác chống thất thoát, thất thu: Tăng cường quản lý kiểm tra mạng phát hiện kịp thời và xử lý những điểm vỡ, rò rỉ đường ống dưới lòng đất ; bảo dưỡng đồng hồ đo nước đảm bảo chính xác trong đo đếm.
- Hoàn thiện phần mềm quản lý quản lý tài sản, 100% công tác đọc đồng hồ qua mạng (đọc số cầm tay).
- Phối hợp tốt với các bộ phận khác để phát triển khách hàng theo kế hoạch. Tiếp tục mở rộng mạng cấp nước tại các xã Đồng Sơn, Song Mai, Đình Trì , Tân Tiến và thị trấn Đồi Ngô.
- Tăng cường công tác giám sát, nâng cao trình độ và trách nhiệm của cán bộ giám sát và các tổ trưởng thi công để đảm bảo công tác thi công thực hiện đúng tiến độ và chất lượng công trình.

Trên đây Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2018. Phát huy kết quả đạt được trong năm 2017, Ban giám đốc Công ty với sự ủng hộ của các cổ đông, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể CBCNV Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Giang, quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018.





Business

Commodities

Gold

▼
\$1146.06

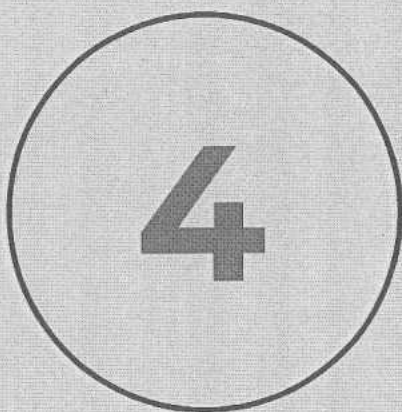
Retail Price

▲
\$52.14

News

Long haul
for Tesco
Gordon
Lindsay
speech
preliminary

New global crisis, warns IMF



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VĨ MÔ NĂM 2017

Năm 2017, kinh tế thế giới phục hồi tốt hơn, tăng trưởng kinh tế ước đạt 3,6% (cao hơn 0,5 điểm % so với năm 2016) nhờ sự gia tăng đầu tư, thương mại và sản xuất công nghiệp. Các nền kinh tế chủ chốt đều có sự phục hồi vững chắc đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Thị trường cổ phiếu toàn cầu năm 2017 tăng trưởng tích cực. Hầu hết các chỉ số chứng khoán lớn toàn cầu đều tăng điểm cao so với đầu năm. Dẫn đầu là thị trường châu Á với mức tăng trung bình trên 20% so với đầu năm, tiếp theo là thị trường chứng khoán Mỹ (trên 15%). Việt Nam thuộc top 5 thị trường có mức tăng trưởng cao nhất thế giới và đứng đầu khu vực châu Á. Hầu hết các đồng tiền chủ chốt đều tăng giá so với USD. Đồng Euro có mức tăng mạnh nhất (11%) so với USD tính từ đầu năm do kinh tế khu vực này phục hồi khả quan. Đồng Nhân Dân tệ tăng 5% so với USD. Đồng tiền của một số nước lớn trong khu vực ASEAN cũng có mức tăng đáng kể so với USD (với mức tăng trung bình khoảng 8%-9% so với đầu năm). Trong bối cảnh đó, việc VND mất giá nhẹ so với USD giúp hỗ trợ năng lực cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

GDP Việt Nam 2017 tăng 6,81%, là mức cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Lạm phát tổng thể năm 2017 tăng khoảng hơn 3% so với năm 2016, là năm thứ 4 liên tiếp lạm phát duy trì ở mức thấp dưới 5% và cho thấy nền tảng của ổn định vĩ mô đang được thiết lập rõ nét. Cơ cấu kinh tế có sự dịch chuyển tích cực theo hướng tăng tỷ trọng đóng góp của các ngành có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao với sự đóng góp ngày càng tăng của công nghiệp chế biến chế tạo.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TY NĂM 2017

Năm 2017, HĐQT Công ty đã phấn đấu thực hiện các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Nhờ đó, Công ty đã đạt được kết quả SXKD đáng khích lệ, đạt và vượt các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao. Cụ thể, Tổng doanh thu đạt 118,75 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch và tăng 28% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt 5,71 tỷ đồng, vượt 30% kế hoạch đã đề ra và tăng 50% so với cùng kỳ.

| Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2017 | Mức độ hoàn thành kế hoạch (%) | So với cùng kỳ (%) |
|---|------|----------------|--------------------------------|--------------------|
| Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác | Tỷ.đ | 118,8 | 107 | 128 |
| Tổng chi phí | Tỷ.đ | 111,61 | 107 | 127 |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ.đ | 7,14 | 130 | 150 |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ.đ | 5,71 | 130 | 150 |
| Nộp ngân sách Nhà nước | Tỷ.đ | 11,67 | 123 | 223 |
| Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến | % | 1,73 | 110 | 123 |

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN GIÁM ĐỐC

NHỮNG MẶT ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

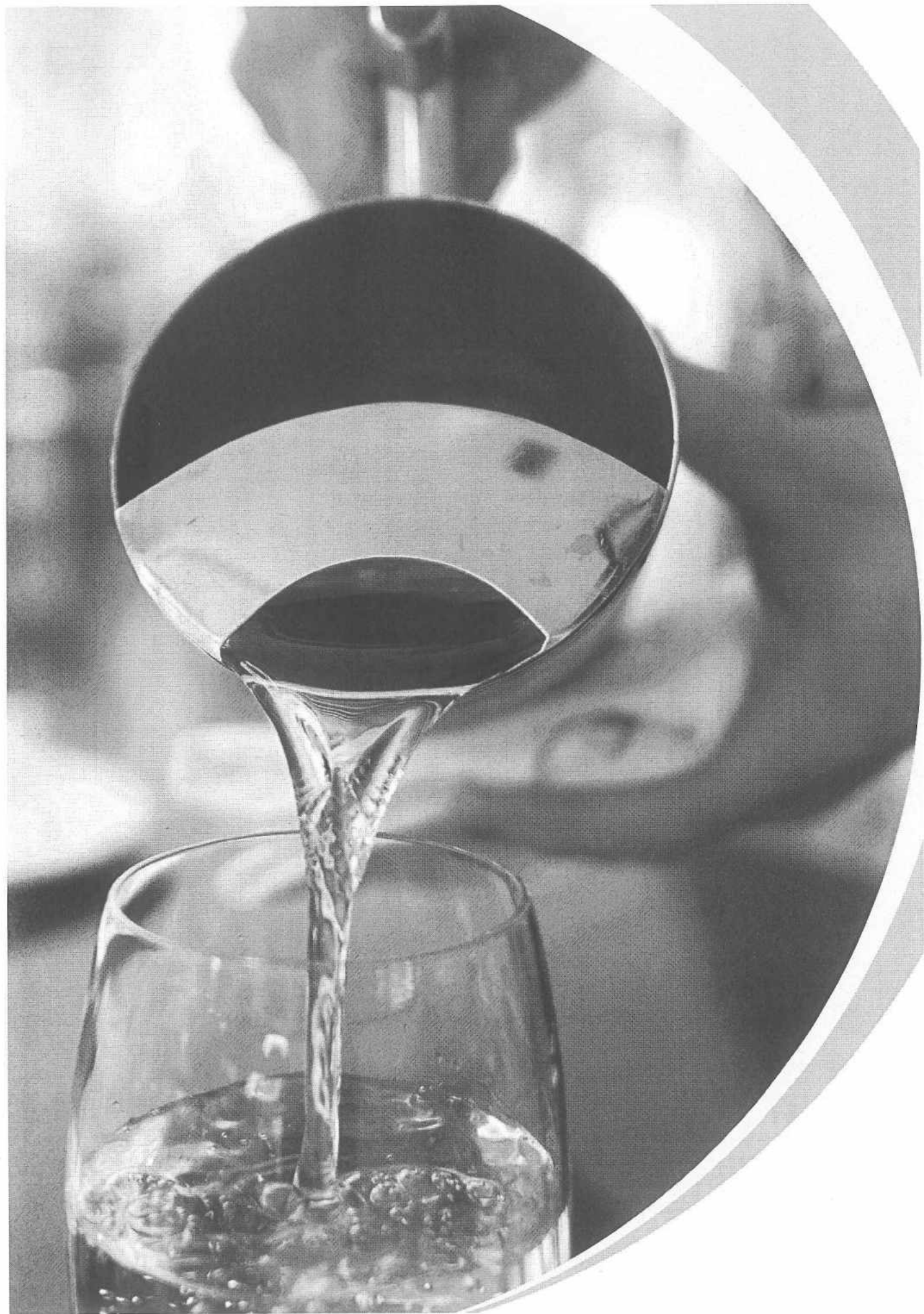
Năm 2017, Ban giám đốc đã nỗ lực và quyết liệt điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm tài chính 2017, nổi bật là:

- Hoạt động SXKD tăng trưởng ổn định, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, các công trình đầu tư được triển khai đúng tiến độ, chất lượng.
- Các chỉ tiêu về SXKD đều vượt mức kế hoạch, đặc biệt là tỷ lệ thất thoát giảm đáng kể. Các chỉ số tài chính tốt, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.
- Đảm bảo thu nhập và đời sống người lao động.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy; quan tâm và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.

MỘT SỐ HẠN CHẾ CÒN TỒN TẠI

Bên cạnh những kết quả nổi bật trong việc quản lý điều hành, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đem lại sự ổn định, phát triển của Công ty cũng như quyền lợi của các cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp. Việc chỉ đạo điều hành của HĐQT, Ban điều hành còn có một số tồn tại hạn chế cần khắc phục để duy trì tốc độ phát triển cũng như hiệu quả SXKD của Công ty.

- Chưa đề ra được giải pháp hữu hiệu nhất nâng cao năng suất lao động, hiệu quả SXKD của Công ty trong điều kiện cụ thể khi mà môi trường SXKD nước sạch đã có nhiều thay đổi cạnh tranh quyết liệt hơn.
- Công tác tham mưu đôi lúc còn chưa linh hoạt và hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc trong tình hình mới.
- Ban điều hành chưa thực sự chủ động trong 1 số lĩnh vực được phân công phụ trách. Sự phối hợp giữa các phòng ban, bộ phận trong việc thực hiện nhiệm vụ chung vẫn còn hạn chế, khắc phục mặc dù những tồn tại hạn chế này đã được chỉ ra trong năm 2016.
- Chưa quyết tâm, mạnh dạn trong việc đầu tư áp dụng khoa học công nghệ trong SXKD cũng như mở rộng vùng cấp nước. Để đem lại hiệu quả SXKD cũng như việc phát triển mở rộng phạm vi cấp nước trên địa bàn.
- Hoạt động của HĐQT, Ban điều hành còn chưa đổi mới để nâng cao vai trò chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông. Đôi lúc còn chông chéo chưa đúng với các quy định đề ra. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành còn chưa phát huy tốt vai trò, trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HDQT nhận định năm 2018 địa bàn cấp nước các vùng lân cận TP Bắc Giang ngày càng có sự cạnh tranh gay gắt hơn, phần nào ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ tiêu SXKD của Công ty. Để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và bền vững, HDQT đề ra kế hoạch hoạt động năm 2018 gồm các nội dung chính như sau:

- Chỉ đạo triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018; giám sát thường xuyên công tác thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, kịp thời hỗ trợ, phối hợp Ban điều hành Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty, sao cho có hiệu quả cao nhất; Tập trung cao độ chỉ đạo công tác thực hiện đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, phát triển khách hàng để tăng nhanh sản lượng nước thương phẩm cho các năm tiếp theo.
- Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, xây dựng thương hiệu cấp nước của Công ty.
- Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình hoạt động SXKD của Công ty.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong toàn Công ty, đặc biệt chú trọng đến công tác giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư, trong việc sử dụng vốn và các nguồn lực khác.
- Tăng cường quan hệ với các cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới cổ đông một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch.
- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.
- Chuẩn bị phương án thực hiện thoái vốn Nhà nước theo quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.
- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật khi Công ty đã là Công ty đại chúng.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN & CƠ CẤU HĐQT

| Họ & tên | Chức vụ | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|------------------------|-----------------|--------------------|--------------|
| Hướng Xuân Công | Chủ tịch HĐQT | 52.100 | 0,29 % |
| Trần Đăng Điều | Thành viên HĐQT | 38.900 | 0,21 % |
| Phạm Hùng | Thành viên HĐQT | 38.600 | 0,21 % |
| Nguyễn Thị Phương Thảo | Thành viên HĐQT | 38.200 | 0,21 % |
| Lê Ngọc Duyên | Thành viên HĐQT | 31.200 | 0,17 % |

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2017

Về chức năng nhiệm vụ quản trị chung theo Điều lệ

HĐQT đã bám sát các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế để chỉ đạo quyết liệt các mặt hoạt động của Công ty. Năm 2017, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp hằng tháng với sự tham dự mở rộng của Ban kiểm soát, Ban giám đốc và họp với các phòng ban chuyên môn để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các nội dung họp và lấy ý kiến như sau:

- Thông qua các kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018;
- Kiểm tra báo cáo tài chính hằng quý, hằng năm;
- Ban hành bổ sung các quy định quản trị nội bộ;
- Quyết định đầu tư một số hạng mục công trình phục vụ cho việc mở rộng sản xuất kinh doanh tổng giá trị 30 tỷ đồng, cụ thể:
 - Cấp nước cho các khu dân cư tại các xã Song Khê, Đông sơn, Tân Mỹ, Song Mai.
 - Đầu tư cải tạo đường ống, thay thế các tuyến ống cấp nước thép tráng kẽm bằng ống HDPE.
 - Tuyến ống nước thô D500 số 2 từ Trạm bơm 1 về Khu xử lý.
 - Tuyến ống cấp nước D400 cấp nước cho khu Đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang.
 - Thay thế 2.400 đồng hồ đã hết niên hạn.
 - Đầu tư công nghệ mới vào quản lý mạng lưới cấp nước.
 - Phát triển khách hàng trên 5.000 đầu nối.
- Về công tác tổ chức đã hoạt động theo mô hình chủ tịch HĐQT không kiêm Giám đốc điều hành kể từ tháng 5 năm 2017. Việc chỉ đạo, giám sát hoạt động của HĐQT và chủ động điều hành của ban giám đốc ngay từ khi hoạt động theo mô hình mới đã bắt nhịp tốt không gây xáo trộn trong công tác quản trị. Việc phân công, phối hợp hoạt động thực hiện khoa học không chồng chéo.

Công tác giám sát đối với ban điều hành:

HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng đại diện các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Ban giám đốc và toàn bộ hệ thống Công ty.

- Trong năm 2017, HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và định hướng kinh doanh cho phù hợp với hoạt động thực tế của Công ty.

- Chủ động trong công tác quản lý, điều hành; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhất là thực hiện tốt công tác giảm thất thoát thất thu.
- Ổn định công việc và thu nhập của người lao động.

Công tác quản lý đầu tư:

HĐQT quyết định thực hiện đầu tư và chỉ đạo kịp thời triển khai các giải pháp đảm bảo sự thành công của các hạng mục đầu tư tập trung cho việc mở rộng hệ thống cấp nước đến các vùng lân cận TP Bắc Giang, các xã mới và sẽ sáp nhập về TP Bắc Giang, hướng tới việc mua nước bán buôn của Công ty DNP, làm tiền đề cho sự phát triển bền vững trong các năm tới.

Công tác quản lý tài chính:

Công tác quản lý tài chính trong năm qua luôn được HĐQT chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát chi tài chính trong các hoạt động kinh doanh luôn công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo Điều lệ, quy định của Pháp luật.

Công tác quan hệ với cổ đông:

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ công tác cung cấp các tin liên quan trong quá trình điều hành theo quy định của pháp luật.
- Ban hành quy chế công bố thông tin và thực hiện nghiêm túc việc công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông theo quy định.
- Tất cả những quyền lợi của cổ đông theo quy định của Điều lệ, pháp luật và Nghị quyết của Đại hội cổ đông đều được nghiêm túc thực hiện.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Hiện tại, trong cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay không có các tiểu ban trực thuộc.

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

| STT | Số Nghị Quyết | Thời gian | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|---|
| 1 | 02/NQ-HĐQT-NSBG | 17/04/2017 | Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc và Phó giám đốc năm 2017 |
| 2 | 03/NQ-HĐQT-NSBG | 17/04/2017 | Nghị quyết về việc Ông Hương Xuân Công - Chủ tịch HĐQT thôi kiêm nhiệm chức vụ giám đốc công ty |
| 3 | 04/NQ-HĐQT-NSBG | 18/05/2017 | Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty CP Nước sạch Bắc Giang về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017. |
| 4 | 05/NQ-HĐQT-NSBG | 05/06/2017 | Nghị quyết HĐQT v/v ban hành Quy chế phối hợp làm việc của HĐQT và ban Giám đốc |
| 5 | 06/NQ-HĐQT-NSBG | 05/07/2017 | Nghị quyết HĐQT về việc Đầu tư xây dựng hệ thống xả thải tại Nhà máy Nước Bắc Giang |
| 6 | 07/NQ-HĐQT-NSBG | 29/12/2017 | Nghị quyết HĐQT về việc Hỗ trợ KH dùng nước tại xã Hồng Thái – H.Việt Yên |

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN & CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

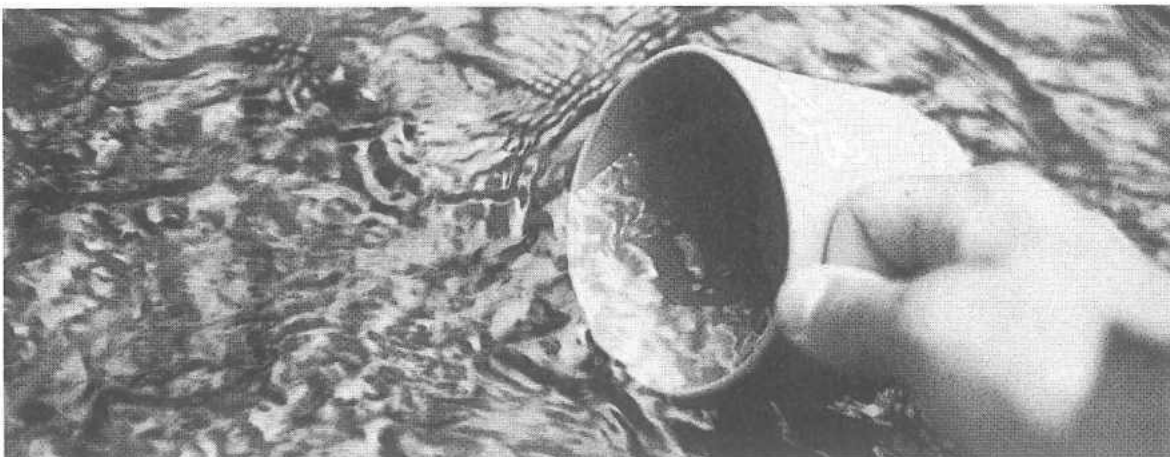
| Họ & tên | Chức vụ | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----------------------|----------------------|--------------------|--------------|
| Nguyễn Thị Thanh Thùy | Trưởng Ban Kiểm soát | 19.100 | 0,11 % |
| Vũ Thị Thúy | Thành viên BKS | 15.000 | 0,08 % |
| Hoàng Thị Thảo | Thành viên BKS | 8.000 | 0,04 % |

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2017

Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định tại luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát cụ thể:

- Ban kiểm soát tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và đầu tư của Công ty;
- Kiểm tra, rà soát Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ trong năm 2017, đánh giá chi tiết những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt được, có phân tích nguyên nhân cụ thể.
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.
- Ban kiểm soát Công ty đã kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty, tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả SXKD và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty.
- Kiểm soát Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2017, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập đúng quy trình, chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

Qua thời gian hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban kiểm soát nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh do Công ty cung cấp, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét, đánh giá như sau:

Công tác quản lý và điều hành của HĐQT và Ban điều hành trong năm

Ban kiểm soát nhận định HĐQT và Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý trong năm 2017 đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý hiện hành, cụ thể:

- HĐQT đã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ kịp thời. Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty.
- Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và quyền hạn của HĐQT có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Chủ động nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư. Công tác thu hồi công nợ của khách hàng kịp thời, đầy đủ. Công tác thanh toán nợ cho các nhà cung cấp đúng hạn, khả năng thanh toán nhanh tốt, hệ số nợ hợp lý.
- Công ty quản lý và hạch toán kế toán tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước: Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Công tác quản lý thực hiện đầu tư theo đúng quy định.

Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các mục tiêu kế hoạch chính năm 2017

Về quản lý tài sản

Công ty đã thực hiện quản lý và theo dõi tài sản cố định chi tiết theo từng loại tài sản, thực hiện trích khấu hao theo đúng quy định. Cuối năm thực hiện kiểm kê và lập biên bản kiểm kê chi tiết, đầy đủ.

- Giá trị nguyên giá TSCĐ đến ngày 31/12/2017: 228.291.354.579đ
- Số khấu hao lũy kế đến ngày 31/12/2017: (142.447.197.143đ)
- Giá trị còn lại theo sổ sách đến ngày 31/12/2017: 85.844.157.436đ

Về quản lý công nợ

Công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2017: Công nợ được theo dõi chặt chẽ, cụ thể theo từng đối tượng, thời hạn thanh toán.

Đối với nợ phải thu: 5.706.722.875,đ trong đó bao gồm:

- Phải thu tiền nước, tiền công trình, thu khác: 748.595.834,đ
- Tiền ứng trước cho nhà cung cấp, nhà thầu: 3.690.536.430,đ
- Tiền tạm ứng công tác, phải thu ngắn hạn khác: 1.267.590.611,đ

Đối với nợ phải trả: 33.727.502.054,đ trong đó bao gồm:

- Nợ vay thực hiện DA NM nước số 2: 10.775.924.160,đ
- Phải trả NLD (Thưởng tết và các khoản khác): 8.410.505.000,đ
- CP trích trước KHTSCĐ (NMN Lục Nam): 10.088.987.000,đ
- Thuế còn phải nộp NSNN: 1.215.823.751,đ
- Phải trả nhà cung cấp, phải trả khác: 744.334.948,đ
- Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017: 2.491.927.195,đ

(Trích 40% từ lợi nhuận sau thuế 2017)

Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017

Đơn vị: đồng

| STT | Chỉ tiêu | TH 2017 | TH 2016 | TH 2017/ TH 2016 % |
|----------|---------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|
| 1 | Tổng DT và thu nhập khác | 118.753.991.774 | 92.822.989.024 | 127,9 |
| | Doanh thu HĐTC | 4.037.138.769 | 4.102.005.835 | 98,4 |
| | Thu nhập khác | 1.360.254.758 | 429.072.635 | 317 |
| | DT thuần về bán hàng và dịch vụ | 113.356.598.247 | 88.291.910.554 | 128,4 |
| 2 | Tổng chi phí | 111.615.270.355 | 88.066.557.281 | 126,7 |
| | Giá vốn hàng bán | 66.733.236.999 | 50.415.766.696 | 132,4 |
| | Chi phí bán hàng | 29.488.894.172 | 24.781.367.020 | 119 |
| | Chi phí quản lý DN | 15.385.278.670 | 12.782.574.611 | 120,3 |
| | Chi phí hoạt động TC | | 82.186.718 | |
| | Chi phí khác | 7.860.514 | 4.662.236 | 168,6 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 7.138.721.419 | 4.756.431.743 | 150,1 |
| | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.429.316.388 | 952.218.796 | 150,1 |
| | Lợi nhuận sau thuế | 5.709.405.031 | 3.804.212.947 | 150 |
| 4 | Nộp NSNN | 11.668.019.205 | 5.226.267.696 | 223 |

Quỹ tiền lương thực hiện: 37.673.227.988 đồng

Trong năm 2017, Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động SXKD của Công ty.

Công tác đầu tư

Tại Hội nghị giao ban mở rộng ngày 6 tháng 3 năm 2018 đã triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018. Để đáp ứng mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm. Công ty đã chủ động đầu tư tiếp tục đổi mới công nghệ;

- Phát triển 5.000 đầu nối tại các khu vực: Song Mai, Tân Tiến, Đồng Sơn...;
- Phát triển các tuyến ống phân phối trên mạng lưới cấp nước bao gồm:
 - Tuyến ống D200 bổ sung xã Song Mai
 - Tuyến ống vành đai D300 tuyến ống truyền tải số 2
 - Tuyến ống D300 bổ sung xã Đồng Sơn
 - Tuyến ống D300 cấp nước xã Hương Gián, Đình Trì, Tân An, Tân Tiến, Thái Đào.

Tổng giá trị đầu tư là 55 tỷ đồng.

Quan hệ cổ đông

Đánh giá chung: Trong năm 2017, với nỗ lực của HĐQT, Ban Giám đốc và sự đồng thuận của CBCNV, Công ty đã hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu đặt ra.

Về công tác kế toán và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán

Công tác kế toán

Công ty quản lý và hạch toán công tác kế toán tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

Giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2017, HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát.

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Nhiệm vụ chung

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Trong năm 2018, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát định kỳ theo điều lệ của Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, lấy ngăn ngừa mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Luật doanh nghiệp, góp phần làm cho đơn vị ngày càng phát triển và đạt hiệu quả SXKD cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động.
- Quỹ lương năm 2018: **41.883.081.892đ**

Nhiệm vụ cụ thể năm 2018

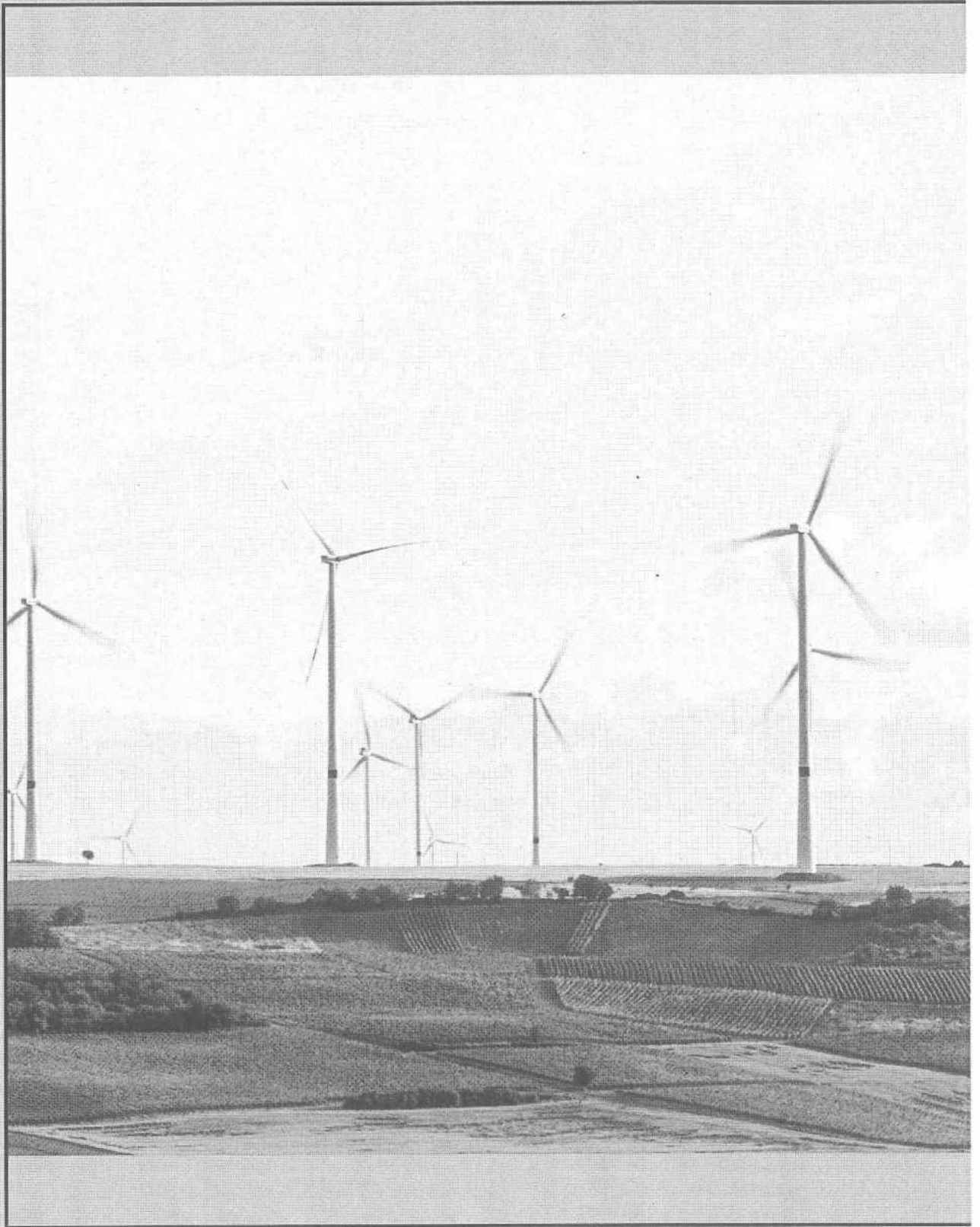
- Tổ chức họp định kỳ, phân công cụ thể và hợp lý công việc của các thành viên trong Ban kiểm soát, phụ trách kiểm soát hoạt động quản trị, điều hành và SXKD của Công ty.
- Kiểm soát tình hình SXKD hằng năm của Công ty đã được Đại hội cổ đông phê chuẩn, soát xét Báo cáo tài chính hằng năm.

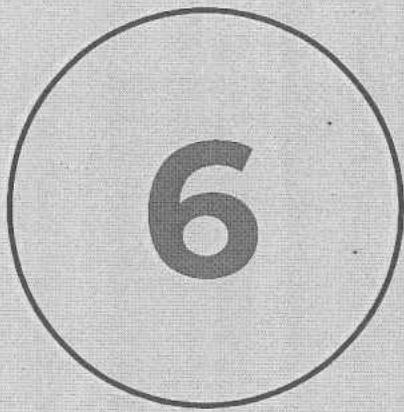
GIAO DỊCH, THÙ LAO

Mức chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS và thư ký được chi trả theo mức phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐTN-NSBG ngày 08 tháng 4 năm 2017 về việc thông qua phương án trả thù lao không chuyên trách của thành viên HĐQT, BKS, thư ký.

Mức chi trả cụ thể như sau:

| | |
|-----------------------------|-----------------------|
| - Thành viên HĐQT: | 2,0 triệu đồng/ tháng |
| - Trưởng Ban kiểm soát: | 1,2 triệu đồng/ tháng |
| - Thành viên Ban kiểm soát: | 1,0 triệu đồng/ tháng |
| - Thư ký Công ty: | 1,0 triệu đồng/ tháng |





PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đối với khách hàng

- Cung cấp các sản phẩm chất lượng

Đối với cổ đông

- Thực hiện công bố thông tin công khai minh bạch
- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông
- Đảm bảo cổ tức ổn định bền vững

Đối với nhà nước

- Tuân thủ chính sách nhà nước trong hoạt động kinh doanh
- Đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thuế

Đối với người lao động

- Xây dựng chính sách lương thưởng hiệu quả, hợp lý với mức thu nhập cạnh tranh
- Đảm bảo sức khỏe và điều kiện làm việc an toàn với người lao động
- Chăm lo đời sống tinh thần của người lao động

Đối với cộng đồng xã hội

- Chia sẻ chung tay với các hoạt động cộng đồng
- Có trách nhiệm với những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội

Đối với môi trường

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về môi trường

ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VÌ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ban Lãnh đạo Công ty hiểu rằng, con người là nhân tố quyết định thành bại của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, Công ty đã nỗ lực hết sức mình để tạo ra một môi trường làm việc tốt, bảo đảm quyền lợi cho CBCNV, tuân thủ quy định của pháp luật về người lao động. Công ty luôn áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động, nhất là đối với những lao động có kinh nghiệm và thâm niên lâu dài tại Công ty.

Các chính sách về lao động của Công ty:

- Căn cứ vào chế độ về tiền lương do Nhà nước quy định.
- Việc trả lương thực hiện theo quy chế trả lương trả thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc.
- Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước.
- Về tiền thưởng: theo quy định của nhà nước và quy chế của Công ty.
- Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc theo đúng quy định hiện hành.
- Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của cán bộ công nhân viên.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động và các chính sách của Công ty







BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|---------|
| 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 02 - 04 |
| 2. Báo cáo kiểm toán độc lập | 05 - 06 |
| 3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 07 - 08 |
| 4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 09 |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 10 |
| 6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 11 - 29 |
| 7. Phụ lục | 30 - 31 |



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Giang thành công ty Cổ phần theo quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang cho phép công ty chuyển đổi sang công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 07 năm 2015. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 20 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ : 181.494.460.000 VNĐ (Một trăm tám mươi một tỷ bốn trăm chín mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 386, Đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại : 02043.855757

Fax : 02403.554717

Mã số thuế : 2400126106

3. Ngành nghề kinh doanh

- SXKD nước sạch, xây dựng.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

4.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ |
|---------------------------|------------|
| Ông Hướng Xuân Công | Chủ tịch |
| Ông Trần Đăng Điều | Thành viên |
| Ông Phạm Hùng | Thành viên |
| Ông Lê Ngọc Duyên | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | Thành viên |

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ |
|--------------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Trưởng ban |
| Bà Vũ Thị Thúy | Thành viên |
| Bà Hoàng Thị Thảo | Thành viên |



4.3 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ |
|-----------------------|---------------|
| Ông Hương Xuân Công | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Trần Đăng Điều | Giám đốc |
| Ông Phạm Hùng | Phó Giám đốc |
| Ông Lê Ngọc Duyên (*) | Phó Giám đốc |

(*) Ông Lê Ngọc Duyên được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc từ ngày 01/06/2017

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hương Xuân Công – Chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 31.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**) được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng quản trị



HƯỚNG XUÂN CÔNG

Chủ tịch HĐQT

Bắc Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2018

SỐ 3
C
ÁCH
M T
CH
5-

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES[®])

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Trụ sở văn phòng: 156-158 Phố Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Tel: +84 (28) 3999 00 91~97

Fax: +84 (28) 3999 00 90

Email: contact@vietvalues.com

Website: www.vietvalues.com



REANDA

Số: 2137/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC,
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2018, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

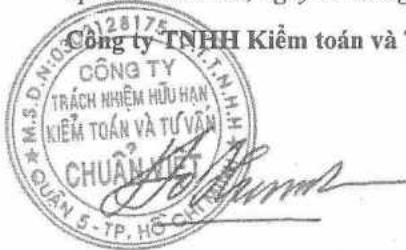
128
3NG
NHẬN
DÁN V
JANE
TP. H

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.10 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả như sau: Dự án nhà máy nước số 2 đơn vị đang là chủ đầu tư đã dừng triển khai theo thông báo số 120-TB/TU của tỉnh ủy Bắc Giang ngày 25 tháng 11 năm 2016 để đầu tư vào dự án Nhà máy nước sạch DNP – Bắc Giang của công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hiện tại toàn bộ chi phí đầu tư thực hiện Dự án xây dựng nhà máy nước số 2 Thành Phố Bắc Giang đã phát sinh với số tiền là 12.046.406.263 đồng. Trong đó, khoản phí cam kết, lãi vay, phí cho vay lại liên quan đến khoản vay ADB thực hiện dự án Nhà máy nước số 2 đã dừng triển khai với số tiền phát sinh trong năm là 983.413.324 đồng. Toàn bộ chi phí đầu tư thực hiện Dự án xây dựng nhà máy nước số 2 Thành Phố Bắc Giang đã phát sinh này sẽ được tập hợp và giải quyết khi Dự án được quyết toán. Theo thông báo kết luận của Ban Thường vụ tỉnh ủy về chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang số 120-TB/TU ngày 25/11/2016: Nhất trí chủ trương đầu tư dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang của Công ty CP Nhựa Đồng Nai, dừng triển khai và không vay vốn ADB thực hiện dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang do Công ty CP Nước sạch Bắc Giang làm chủ đầu tư, theo đề xuất của chủ tịch UBND tỉnh tại Tờ trình số 3686/TTr-UBND ngày 18/11/2016. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính làm trung gian, phối hợp chặt chẽ với công ty CP Nước sạch Bắc Giang và Công ty CP Nhựa Đồng Nai trong quá trình Công ty CP Nhựa Đồng Nai tham gia mua cổ phần làm cổ đông chiến lược của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang cũng như giải quyết các chi phí đã phát sinh cho dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang vay vốn ADB theo quy định.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2018.



Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0967-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2817-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES

75-
TY
HỮU
HẠN
À TƯ
VIỆ
C

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: 386- Xương Giang-TP Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

DVT: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 120.015.705.710 | 107.593.343.315 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | | 75.503.745.670 | 90.213.205.149 |
| 111 | 1. Tiền | V.1 | 4.210.270.954 | 2.370.896.579 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | V.2 | 71.293.474.716 | 87.842.308.570 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 33.122.588.143 | 3.923.079.256 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | V.3 | 33.122.588.143 | 3.923.079.256 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 5.706.722.875 | 7.128.112.931 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.4 | 748.595.834 | 1.264.541.669 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | V.5 | 3.690.536.430 | 5.212.731.140 |
| 133 | 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | | - | - |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | V.6 | 1.267.590.611 | 650.840.122 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | - | - |
| 139 | 6. Tài sản thiếu chờ xử lý | | - | - |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | | 5.059.259.463 | 5.957.318.965 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | V.7 | 5.059.259.463 | 5.957.318.965 |
| 142 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | | - | - |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 623.389.559 | 371.627.014 |
| 152 | 1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 623.389.559 | - |
| 153 | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | - | 371.627.014 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 98.890.011.208 | 96.467.440.452 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | - | - |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 85.844.157.436 | 92.179.714.942 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.8 | 85.844.157.436 | 92.149.447.693 |
| 222 | - Nguyên giá | | 227.711.576.602 | 211.601.212.293 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (141.867.419.166) | (119.451.764.600) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | V.9 | - | 30.267.249 |
| 228 | - Nguyên giá | | 579.777.977 | 579.777.977 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (579.777.977) | (549.510.728) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | | - | - |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 12.610.121.385 | 2.671.456.502 |
| 241 | 1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn | | 563.715.122 | - |
| 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | V.10 | 12.046.406.263 | 2.671.456.502 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | - | - |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 435.732.387 | 1.616.269.008 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | V.11 | 435.732.387 | 1.616.269.008 |
| 268 | 2. Tài sản dài hạn khác | | - | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 218.905.716.918 | 204.060.783.767 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: 386- Xương Giang-TP Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 33.727.502.054 | 19.835.474.506 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 22.951.577.894 | 15.620.969.260 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.12 | 428.424.178 | 926.312.000 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 30.000.000 | - |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.13 | 1.215.823.751 | 601.631.668 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | V.14 | 8.410.505.000 | 6.589.284.000 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.15 | 10.088.987.000 | 4.190.896.800 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | | 285.910.770 | 1.881.034.609 |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | V.16 | 2.491.927.195 | 1.431.810.183 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 10.775.924.160 | 4.214.505.246 |
| 338 | 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | V.17 | 10.775.924.160 | 4.214.505.246 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 185.178.214.864 | 184.225.309.261 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | V.18 | 185.178.214.864 | 184.225.309.261 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 181.494.460.205 | 181.494.460.205 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 181.494.460.205 | 181.494.460.205 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| 416 | 2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | - | - |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 543.581.892 | 67.899.993 |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 3.140.172.767 | 2.662.949.063 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | | | |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | 3.140.172.767 | 2.662.949.063 |
| 422 | 5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | | - | - |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | - | - |
| 431 | 1. Nguồn kinh phí | | - | - |
| 432 | 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 218.905.716.918 | 204.060.783.767 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Giang, ngày 27 tháng 03 năm 2018



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

HƯƠNG XUÂN CÔNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-----------------|----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.1 | 113.414.797.457 | 88.295.769.002 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | VI.2 | 58.199.210 | 3.858.448 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 113.356.598.247 | 88.291.910.554 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | VI.3 | 66.733.236.999 | 50.415.766.696 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 46.623.361.248 | 37.876.143.858 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.4 | 4.037.138.769 | 4.102.005.835 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | | - | 82.186.718 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | - | - |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | VI.5 | 29.488.894.172 | 24.781.367.020 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.6 | 15.385.278.670 | 12.782.574.611 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 5.786.327.175 | 4.332.021.344 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | VI.7 | 1.360.254.758 | 429.072.635 |
| 32 | 12. Chi phí khác | VI.8 | 7.860.514 | 4.662.236 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 1.352.394.244 | 424.410.399 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 7.138.721.419 | 4.756.431.743 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | 1.429.316.388 | 952.218.796 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 5.709.405.031 | 3.804.212.947 |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VI.9 | 173 | 136 |
| 71 | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | VI.10 | 173 | 136 |

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Bắc Giang, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Chủ tịch HĐQT



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

HUỶNG XUÂN CÔNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

DVT: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-------------------------|-----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | | 126.157.887.620 | 95.581.521.436 |
| 02 | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | | (61.329.667.370) | (36.774.319.113) |
| 03 | 3. Tiền chi trả cho người lao động | | (36.226.087.900) | (30.715.727.990) |
| 04 | 4. Tiền lãi vay đã trả | | - | - |
| 05 | 5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (1.099.535.396) | (930.102.447) |
| 06 | 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 3.711.184.979 | 2.515.565.764 |
| 07 | 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (18.475.627.056) | (16.360.635.920) |
| 20 | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | | <i>12.738.154.877</i> | <i>13.316.301.730</i> |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (16.203.132.955) | (4.398.183.273) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | 599.678.181 | 139.545.454 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | | (54.797.319.064) | (75.576.360.852) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 42.146.644.031 | 116.918.347.829 |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 4.037.138.769 | 4.102.005.835 |
| 30 | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | | <i>(24.216.991.038)</i> | <i>41.185.354.993</i> |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | - | - |
| 32 | 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | - | - |
| 33 | 3. Tiền thu từ đi vay | | - | 4.214.505.246 |
| 34 | 4. Tiền trả nợ gốc vay | | - | - |
| 35 | 5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính | | - | - |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (3.230.623.318) | (124.814.000) |
| 40 | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | | <i>(3.230.623.318)</i> | <i>4.089.691.246</i> |
| 50 | <i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i> | | <i>(14.709.459.479)</i> | <i>58.591.347.969</i> |
| 60 | <i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i> | | <i>90.213.205.149</i> | <i>31.621.857.180</i> |
| 61 | <i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i> | | | |
| 70 | <i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</i> | | <i>75.503.745.670</i> | <i>90.213.205.149</i> |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Giang, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Chủ tịch HĐQT

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

HƯƠNG XUÂN CÔNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty Cổ phần.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh nước sạch và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết.
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình điện hạ thế từ 35KV trở xuống.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày mang tính so sánh giữa kỳ kế toán.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 240 nhân viên đang làm việc. (Số đầu năm là 263 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2017
CÔNG
NHIỆM
JAN V
JAN
TP, H

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 15 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |
| Tài sản cố định khác | 03 - 25 năm |

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm/theo thời gian giao đất (10 năm), quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng và doanh thu lắp đặt đồng hồ nước

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm là khoản giảm trừ hàng bán.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của thành phẩm và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Doanh nghiệp và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Vietcombank. (Ngân hàng doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá 1USD = 22.665 VND.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Vietcombank (Ngân hàng doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá 1USD = 22.735 VND.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)**1. Tiền**

| Mã số | Chỉ tiêu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|--------------------|----------------------|----------------------|
| 1.1 | Tiền mặt | 408.787.113 | 496.182.186 |
| 1.2 | Tiền gửi ngân hàng | 3.801.483.841 | 1.874.714.393 |
| | Tổng cộng | 4.210.270.954 | 2.370.896.579 |

1.2 Tiền gửi ngân hàng

| Mã số | Chỉ tiêu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|--|----------------------|----------------------|
| 1.2 | Tiền Việt Nam | 3.801.483.841 | 1.874.714.393 |
| 1.2.1 | Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Bắc Giang | 131.418.087 | 172.880.063 |
| 1.2.2 | Ngân hàng NN & Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang | 2.657.220.168 | 447.854.385 |
| 1.2.3 | Ngân hàng TMCP Techcombank Bắc Giang | 324.159.032 | 227.913.219 |
| 1.2.4 | Ngân hàng TMCP Vietinbank Bắc Giang | 456.153.848 | 92.061.619 |
| 1.2.5 | Ngân hàng TMCP Vietcombank Bắc Giang | 226.042.708 | 932.193.219 |
| 1.2.6 | Ngân hàng Phát triển Việt Nam-CN Bắc Giang | 6.489.998 | 1.811.888 |
| | Tổng cộng | 3.801.483.841 | 1.874.714.393 |

2. Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng, lãi suất quy định theo từng hợp đồng tiền gửi. Chi tiết như sau:

| Mã số | Chỉ tiêu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|---|-----------------------|-----------------------|
| 2.1 | Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Agribank | 33.159.506.900 | 29.682.873.800 |
| 2.2 | Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Techcombank | 11.015.772.872 | 31.590.466.632 |
| 2.3 | Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Vietinbank | 15.447.302.693 | 17.521.828.764 |
| 2.4 | Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Vietcombank | 11.670.892.251 | 9.047.139.374 |
| | Tổng cộng | 71.293.474.716 | 87.842.308.570 |

3. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng, lãi suất quy định theo từng hợp đồng tiền gửi. Chi tiết như sau:

| Mã số | Chỉ tiêu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|--|-----------------------|----------------------|
| 3.1 | Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Techcombank | 21.122.588.143 | 3.923.079.256 |
| 3.2 | Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Vietinbank | 12.000.000.000 | - |
| | Tổng cộng | 33.122.588.143 | 3.923.079.256 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| Chi tiết gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|--------------------|----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | - | - |
| Phải thu khách hàng khác | 748.595.834 | 1.264.541.669 |
| Tổ Quản lý nước phường Mỹ Độ | 210.462.135 | 64.005.311 |
| Trường THPT Lục Ngạn 2 | 202.247.000 | 202.247.000 |
| Tổ Quản lý nước phường Ngô Quyền | 78.026.635 | 48.628.401 |
| Tổ Quản lý nước khu CN Đình Trám | 51.735.920 | 95.653.886 |
| Các đối tượng khác | 206.124.144 | 854.007.071 |
| Cộng | 748.595.834 | 1.264.541.669 |

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| Chi tiết gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | - | - |
| Trả trước cho các đối tượng khác | 3.690.536.430 | 5.212.731.140 |
| Công ty CP Đầu Tư-Xây dựng-XNK TH Minh Ngọc (*) | 2.300.000.000 | 1.800.000.000 |
| Công ty TNHH Quốc tế Song Thanh | 686.000.000 | - |
| Công ty CP Cơ khí và xây dựng Phân Đạm | 200.000.000 | - |
| Các đối tượng khác | 504.536.430 | 3.412.731.140 |
| Cộng | 3.690.536.430 | 5.212.731.140 |

(*) Là khoản tạm ứng trước cho nhà thầu tư vấn để thực hiện dự án nhà máy nước số 2.

6. Phải thu ngắn hạn khác

| Mã số | Chỉ tiêu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|------------------------|----------------------|--------------------|
| 6.1 | Tạm ứng | 561.300.000 | 521.300.000 |
| 6.2 | Phải thu ngắn hạn khác | 706.290.611 | 129.540.122 |
| | Tổng cộng | 1.267.590.611 | 650.840.122 |

6.1 Tạm ứng

| Chi tiết gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tạm ứng cho các bên liên quan | - | - |
| Tạm ứng cho các đối tượng khác | 561.300.000 | 521.300.000 |
| An Đình Thành | 337.300.000 | 297.300.000 |
| Nguyễn Văn Huy | 140.000.000 | - |
| Đối tượng khác | 84.000.000 | 224.000.000 |
| Cộng | 561.300.000 | 521.300.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6.2 Phải thu ngắn hạn khác**

| Chi tiết gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Phải thu bên liên quan | - | - |
| Phải thu đối tượng khác | 706.290.611 | 129.540.122 |
| Tính trước lãi tiền gửi có kỳ hạn 2 HĐ tại Techcombank và Vietcombank đến ngày 31/12/2017 | 600.000.000 | - |
| Phải thu về thuế TNCN | 84.242.460 | 45.329.940 |
| Đối tượng khác | 22.048.151 | 84.210.182 |
| Cộng | 706.290.611 | 129.540.122 |

7. Hàng tồn kho

| Mã số | Chi tiêu | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| 7.1 | Nguyên liệu, vật liệu | 5.059.259.463 | - | 5.957.318.965 | - |
| 7.2 | Công cụ, dụng cụ | - | - | - | - |
| 7.3 | Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | - | - | - |
| | Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho | 5.059.259.463 | - | 5.957.318.965 | - |

7.1 Nguyên liệu, vật liệu

Là giá trị tồn kho của nguyên vật liệu xây lắp như: Gang, thép... và nguyên vật liệu để sản xuất nước như: Clo, phèn, hóa chất...

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tại phụ lục số 01.

9. Tài sản cố định vô hình

| Chi tiêu | Quyền sử dụng đất | Phần mềm tính hóa đơn nước | Tổng cộng |
|-----------------------------|-------------------|----------------------------|-------------|
| I. Nguyên giá | | | |
| 1. Số dư đầu năm | 519.777.977 | 60.000.000 | 579.777.977 |
| 2. Tăng trong năm | - | - | - |
| 3. Giảm trong năm | - | - | - |
| 4. Số dư cuối năm | 519.777.977 | 60.000.000 | 579.777.977 |
| II. Giá trị hao mòn | | | |
| 1. Giá trị hao mòn đầu năm | 500.510.728 | 49.000.000 | 549.510.728 |
| 2. Tăng trong năm | 19.267.249 | 11.000.000 | 30.267.249 |
| - Khấu hao trong năm | 19.267.249 | 11.000.000 | 30.267.249 |
| 3. Giảm trong năm | - | - | - |
| 4. Giá trị hao mòn cuối năm | 519.777.977 | 60.000.000 | 579.777.977 |
| III. Giá trị còn lại | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 19.267.249 | 11.000.000 | 30.267.249 |
| 2. Tại ngày cuối năm | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản**

| Chi tiết gồm: | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|--|----------------------|-----------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | 2.671.456.502 | 10.941.899.182 | 1.566.949.421 | 12.046.406.263 |
| Dự án nhà máy nước số 2 | 2.671.456.502 | 9.374.949.761 | - | 12.046.406.263 |
| Dự án xây dựng tuyến ống nước thô D500 | - | 1.566.949.421 | 1.566.949.421 | - |
| Cộng | 2.671.456.502 | 10.941.899.182 | 1.566.949.421 | 12.046.406.263 |

Hiện dự án nhà máy nước số 2 đơn vị đang là chủ đầu tư đã dừng triển khai theo thông báo số 120-TB/TU của tỉnh ủy Bắc Giang ngày 25 tháng 11 năm 2016 để đầu tư vào dự án Nhà máy nước sạch DNP – Bắc Giang của công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hiện tại toàn bộ chi phí đầu tư thực hiện Dự án xây dựng nhà máy nước số 2 Thành Phố Bắc Giang đã phát sinh với số tiền là 12.046.406.263. Trong đó, khoản phí cam kết, lãi vay, phí cho vay lại liên quan đến khoản vay ADB thực hiện dự án Nhà máy nước số 2 đã dừng triển khai với số tiền phát sinh trong năm là 983.413.324 đồng. Toàn bộ Chi phí đầu tư thực hiện Dự án xây dựng nhà máy nước số 2 Thành Phố Bắc Giang đã phát sinh này sẽ được tập hợp và giải quyết khi Dự án được quyết toán.

Theo thông báo kết luận của Ủy ban Thường vụ tỉnh ủy về chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang số 120-TB/TU ngày 25/11/2016: Nhất trí chủ trương đầu tư dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang của Công ty CP Nhựa Đồng Nai, dừng triển khai và không vay vốn ADB thực hiện dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang do Công ty CP Nước sạch Bắc Giang làm chủ đầu tư, theo đề xuất của chủ tịch UBND tỉnh tại Tờ trình số 3686/TTr-UBND ngày 18/11/2016. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính làm trung gian, phối hợp chặt chẽ với công ty CP Nước sạch Bắc Giang và Công ty CP Nhựa Đồng Nai trong quá trình Công ty CP Nhựa Đồng Nai tham gia mua cổ phần làm cổ đông chiến lược của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang cũng như giải quyết các chi phí đã phát sinh cho dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang vay vốn ADB theo quy định.

11. Chi phí trả trước dài hạn

| Chi tiết gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------|--------------------|----------------------|
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 435.732.387 | 1.616.269.008 |
| Cộng | 435.732.387 | 1.616.269.008 |

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| Chi tiết gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| Phải trả các bên liên quan | - | - |
| Phải trả người bán khác | 428.424.178 | 926.312.000 |
| Công ty TNHH MTV XDTM Phú Cát | 173.289.000 | - |
| Công ty CP Bách Long | 134.444.000 | - |
| Đối tượng khác | 120.691.178 | 926.312.000 |
| Cộng | 428.424.178 | 926.312.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| Chi tiết gồm: | Số đầu năm | | Phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|---------------------|--------------------|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|-------------|
| | Số phải thu | Số phải nộp | Số phải nộp | Số đã nộp | Số phải nộp | Số phải thu |
| Thuế GTGT đầu ra | 371.627.014 | - | 837.922.798 | 466.295.784 | - | - |
| Thuế TNDN | | 202.218.796 | 1.429.316.388 | 1.099.535.396 | 531.999.788 | - |
| Thuế TNCN | - | 45.329.940 | 121.692.961 | 85.621.551 | 81.401.350 | - |
| Thuế tài nguyên | - | 23.929.088 | 299.561.155 | 297.651.805 | 25.838.438 | - |
| Phí nước thải SH | - | 330.153.844 | 6.631.674.340 | 6.385.244.009 | 576.584.175 | - |
| Phí môi trường rừng | - | - | 591.998.212 | 591.998.212 | - | - |
| Thuế khác | - | - | 12.293.838 | 12.293.838 | - | - |
| Cộng | 371.627.014 | 601.631.668 | 9.924.459.692 | 8.938.640.595 | 1.215.823.751 | |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động xây lắp là 10%, thuế GTGT của hoạt động cung cấp nước sạch là 5%. Thuế GTGT cung cấp dịch vụ cho khu chế xuất là 0%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Bảng ước tính thuế TNDN trong năm được dự tính như bảng sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 7.138.721.419 | 4.756.431.743 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 7.860.514 | 4.662.236 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 7.146.581.933 | 4.761.093.979 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Lỗ các năm trước được chuyển | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 7.146.581.933 | 4.761.093.979 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 1.429.316.388 | 952.218.796 |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i> | - | - |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i> | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 1.429.316.388 | 952.218.796 |
| <i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i> | - | - |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 1.429.316.388 | 952.218.796 |

312
CÔNG
H NH
TOÁN
HƯ
- TP

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên được tính trên khối lượng nước thô đơn vị khai thác trong năm. Đơn giá tính thuế tài nguyên là 2.250 đồng/m³.

Thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

| Chi tiết gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------|----------------------|----------------------|
| Lương phải trả | 8.410.505.000 | 6.589.284.000 |
| Cộng | 8.410.505.000 | 6.589.284.000 |

15. Chi phí phải trả

| Chi tiết gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Trích trước chi phí khấu hao TSCĐ (*) | 7.888.415.000 | 3.944.207.500 |
| Trích bổ sung tiền ăn ca năm 2017 | 1.637.581.000 | - |
| Chi phí phải trả khác | 562.991.000 | 246.689.300 |
| Cộng | 10.088.987.000 | 4.190.896.800 |

(*) Theo quyết định số 262/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang ngày 11 tháng 02 năm 2015 về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành hệ thống cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam với giá trị quyết toán là 39.442.075.000 đồng. Theo thông báo số 230/UBND-XD của UBND tỉnh Bắc Giang ngày 25 tháng 01 năm 2014, UBND tỉnh đồng ý cho UBND huyện Lục Nam bàn giao cho công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Giang nay là công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang quản lý, vận hành dự án trên. Tuy nhiên, hiện nay đơn vị vẫn chưa nhận được biên bản bàn giao của UBND huyện Lục Nam cho đơn vị về dự án trên vì vậy hiện tại đơn vị đang tạm trích khấu hao phải trả (10%) cho dự án này để có nguồn vốn phải trả khi nhận được Bàn giao từ đơn vị chủ quản trong năm trên TK 335 theo giá trị quyết toán của UBND tỉnh Bắc Giang.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| Chi tiết gồm: | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.431.810.183 | 158.615.844 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 2.283.762.012 | 1.548.663.839 |
| Tăng khác | 4.500.000 | - |
| Chi quỹ | (1.228.145.000) | (275.469.500) |
| Giảm khác | - | - |
| Số cuối năm | 2.491.927.195 | 1.431.810.183 |

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| Chi tiết gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) * | 10.775.924.160 | 4.214.505.246 |
| Cộng | 10.775.924.160 | 4.214.505.246 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*): Là 02 khoản vay giữa công ty CP Nước sạch Bắc Giang (công ty) và Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB). Theo đó Bộ tài chính thay mặt cho Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Công ty đã ký 02 hợp đồng vay phụ về việc sử dụng 02 khoản vay số 2961-VIE và khoản vay số 3251-VIE của ADB. Bộ Tài chính đồng ý dành cho Công ty vay lại số tiền không quá 530.000 USD đối với khoản vay 2961-VIE (ký ngày 09/07/2013) và không quá 19.884.000,00USD đối với khoản vay 3251-VIE (ký ngày 17/06/2016). Đến ngày 31/12/2017 đã giải ngân số tiền là 429.128 USD từ vốn vay ADB với mục đích chi trả cho nhà thầu thực hiện tư vấn xây dựng nhà máy nước số 2 TP Bắc Giang.

Thời gian cho vay lại tối đa là 25 năm. Lãi suất cho vay lại bằng lãi suất LIBOR đối với đồng Đô la Mỹ thời hạn 6 tháng cộng với mức chênh lệch là 0,4%/năm/dư nợ gốc đối với khoản vay 2961-VIE và 0,5%/năm/dư nợ gốc đối với khoản vay 3251-VIE và phí niên hạn là 0,1%/năm trên số dư nợ gốc tại từng thời điểm.

Phí cam kết bằng 0,15%/năm tính trên số tiền của khoản vay lại chưa giải ngân tùy theo từng thời kỳ, áp dụng sau 60 ngày kể từ ngày ký Hiệp định vay.

Căn cứ vào HĐ vay phụ giữa BTC và Công ty thì phí cho vay lại trong nước là 0,25%/năm trên số dư nợ gốc tại từng thời điểm (cả 02 hợp đồng).

Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay lại hoặc tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật theo hợp đồng vay phụ này.

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 tổng số tiền nhận vay, phí và lãi phát sinh từ khoản vay ADB là 10.775.924.160 đồng (tương đương 473.979,51USD). Trong đó, khoản phí cam kết, lãi vay liên quan đến khoản vay ADB thực hiện dự án Nhà máy nước số 2 đã dùng triển khai phát sinh trong năm và được gốc hóa là 967.620.470 đồng (tương đương 42.560,83 USD)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiết tại phụ lục số 02.

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

(*) Nguồn vốn chủ sở hữu

| Chủ sở hữu | Tỷ lệ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|-------------|------------------------|------------------------|
| Vốn góp của Nhà nước | 85,86% | 155.831.460.205 | 155.831.460.205 |
| Hướng Xuân Công | 0,29% | 521.000.000 | 521.000.000 |
| Trần Đăng Điều | 0,21% | 389.000.000 | 389.000.000 |
| Phạm Hùng | 0,21% | 386.000.000 | 386.000.000 |
| Đối tượng khác | 13,43% | 24.367.000.000 | 24.367.000.000 |
| Cộng | 100% | 181.494.460.205 | 181.494.460.205 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18c. Cổ phiếu**

| Chi tiết gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 24.400.800 | 24.400.800 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 18.149.446 | 18.149.446 |
| - Cổ phiếu thường | 18.149.446 | 18.149.446 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu thường | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 18.149.446 | 18.149.446 |
| - Cổ phiếu thường | 18.149.446 | 18.149.446 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| Chi tiết gồm: | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu từ bán nước sạch thành phố Bắc Giang | 102.936.732.108 | 82.407.395.028 |
| Doanh thu nước sạch xí nghiệp cấp nước Lục Nam | 2.243.183.526 | 1.561.336.237 |
| Doanh thu xây lắp | 8.234.881.823 | 4.327.037.737 |
| Cộng | 113.414.797.457 | 88.295.769.002 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh nghiệp vụ bán hàng với các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| Chi tiết gồm: | Năm nay | Năm trước |
|-------------------|-------------------|------------------|
| Giảm giá hàng bán | 58.199.210 | 3.858.448 |
| Cộng | 58.199.210 | 3.858.448 |

3. Giá vốn hàng bán

| Chi tiết gồm: | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn bán nước sạch thành phố Bắc Giang | 50.264.492.889 | 42.918.771.461 |
| Giá vốn bán nước xí nghiệp cấp nước Lục Nam | 5.138.913.187 | 2.726.356.913 |
| Giá vốn xây lắp | 11.329.830.923 | 4.770.638.322 |
| Cộng | 66.733.236.999 | 50.415.766.696 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| Chi tiết gồm: | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 4.037.138.769 | 4.102.005.835 |
| Cộng | 4.037.138.769 | 4.102.005.835 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

| Chi tiết gồm: | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên | 17.029.294.041 | 15.840.521.453 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 76.872.568 | 79.566.800 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 8.983.389.139 | 8.518.882.287 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 950.922.242 | 104.770.000 |
| Chi phí bằng tiền khác | 2.448.416.182 | 237.626.480 |
| Cộng | 29.488.894.172 | 24.781.367.020 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| Chi tiết gồm: | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên | 8.303.298.875 | 7.844.957.155 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 109.924.670 | 85.319.191 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 894.437.723 | 746.186.105 |
| Thuế, phí, lệ phí | 871.904.726 | 717.264.603 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.495.373.259 | 1.729.627.523 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.710.339.417 | 1.659.220.034 |
| Cộng | 15.385.278.670 | 12.782.574.611 |

7. Thu nhập khác

| Chi tiết gồm: | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------|----------------------|--------------------|
| Thu thanh lý nhượng bán TSCĐ | 599.678.181 | 139.545.454 |
| Thu 10% (phí TN được giữ lại) | 724.874.653 | - |
| Thu 7% (phí TN được giữ lại) | - | 245.770.634 |
| Thu nhập khác | 35.701.924 | 43.756.547 |
| Cộng | 1.360.254.758 | 429.072.635 |

8. Chi phí khác

| Chi tiết gồm | Năm nay | Năm trước |
|--------------|------------------|------------------|
| Chi phí khác | 7.860.514 | 4.662.236 |
| Cộng | 7.860.514 | 4.662.236 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| Chỉ tiêu | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-----------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 5.709.405.031 | 3.804.212.947 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | (2.283.762.012) | (1.141.263.884) |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển | (285.470.252) | (190.210.647) |
| - LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông | 3.140.172.767 | 2.472.738.416 |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) | 18.149.446 | 18.149.446 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu) | 173 | 136 |

(*) Công ty chưa đại hội cổ đông, Lãi cơ bản trên cổ phiếu tạm tính theo tỷ lệ năm 2016. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể sẽ được điều chỉnh lại khi có quyết định của đại hội cổ đông về phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định trong điều lệ hoạt động của công ty.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 18.149.446 | 18.149.446 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thặng dư vốn cổ phần | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ quỹ đầu tư phát triển | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 18.149.446 | 18.149.446 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.140.172.767 | 2.472.738.416 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận: | | |
| - Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi | - | - |
| - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi | - | - |
| Cộng | 3.140.172.767 | 2.472.738.416 |
| Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 3.140.172.767 | 2.472.738.416 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 18.149.446 | 18.149.446 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 173 | 136 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 18.149.446 | 18.149.446 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm: | | |
| - Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện | - | - |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 18.149.446 | 18.149.446 |

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| Chi tiết gồm: | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 22.358.865.075 | 16.151.444.377 |
| Chi phí nhân công | 37.086.767.100 | 32.280.378.218 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 22.538.690.463 | 20.871.155.847 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.333.926.473 | 6.404.625.166 |
| Chi phí bằng tiền khác | 16.297.021.244 | 7.827.875.203 |
| Cộng | 111.615.270.355 | 83.535.478.811 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Hà Nội, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền mà công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tại thời điểm cuối năm công ty không có các khoản tiền và tương đương tiền đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Thành viên quản lý chủ chốt.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm có giao dịch về tiền lương, thưởng, phụ cấp và cổ tức trong năm cho các thành viên quản lý chủ chốt được chi tiết tại bảng sau:

| Chi tiết gồm: | Năm nay | Năm trước |
|-----------------|----------------------|--------------------|
| Lương | 1.725.797.000 | 909.932.000 |
| Thưởng, phụ cấp | 41.961.000 | 68.712.000 |
| Cổ tức | 22.859.000 | 6.304.000 |
| Cộng | 1.790.617.000 | 984.948.000 |

2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Trong năm, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán nước sạch và lắp đồng hồ nước.

Khu vực địa lý.

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn tỉnh Bắc Giang.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bắc Giang, ngày 27 tháng 03 năm 2018

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
Kế toán trưởng



HƯƠNG XUÂN CÔNG
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục số 01: Tài sản cố định hữu hình

| Chỉ tiêu | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | TSCĐ khác | Tổng cộng |
|-----------------------------|------------------------|------------------|---------------------|------------|-----------------|
| I. Nguyên giá | | | | | |
| 1. Số dư đầu năm | 63.651.171.647 | 38.967.396.271 | 108.942.406.375 | 40.238.000 | 211.601.212.293 |
| 2. Tăng trong năm | - | 9.716.331.455 | 6.486.801.501 | - | 16.203.132.956 |
| - Tăng do mua mới | - | 9.716.331.455 | 4.919.852.080 | - | 14.636.183.535 |
| - Tăng do XDCB hoàn thành | - | - | 1.566.949.421 | - | 1.566.949.421 |
| 3. Giảm trong năm | - | - | 92.768.647 | - | 92.768.647 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | 92.768.647 | - | 92.768.647 |
| 4. Số dư cuối năm | 63.651.171.647 | 48.683.727.726 | 115.336.439.229 | 40.238.000 | 227.711.576.602 |
| II. Giá trị hao mòn | | | | | |
| 1. Giá trị hao mòn đầu năm | 24.780.650.585 | 24.853.323.053 | 69.777.552.962 | 40.238.000 | 119.451.764.600 |
| 2. Tăng trong năm | 6.278.846.494 | 4.906.422.172 | 11.323.154.547 | - | 22.508.423.213 |
| Khấu hao trong năm | 6.278.846.494 | 4.906.422.172 | 11.323.154.547 | - | 22.508.423.213 |
| 3. Giảm trong năm | - | - | 92.768.647 | - | 92.768.647 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | 92.768.647 | - | 92.768.647 |
| - Khác | - | - | - | - | - |
| 4. Giá trị hao mòn cuối năm | 31.059.497.079 | 29.759.745.225 | 81.007.938.862 | 40.238.000 | 141.867.419.166 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 38.870.521.062 | 14.114.073.218 | 39.164.853.413 | - | 92.149.447.693 |
| 2. Tại ngày cuối năm | 32.591.674.568 | 18.923.982.501 | 34.328.500.367 | - | 85.844.157.436 |

- Trong đó nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 4.015.901.267 đồng.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Giang, ngày 27 tháng 03 năm 2018



(Signature)

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục số 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

| Chi tiêu | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | Nguồn vốn đầu tư XDCB | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|--------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------|
| Số dư tại 01/07/2015 | 181.494.460.205 | - | - | - | 1.357.999.850 | 182.852.460.055 |
| Tăng trong kỳ trước | - | 67.899.993 | - | - | 3.804.212.947 | 3.872.112.940 |
| + Lãi trong kỳ này | - | - | - | - | 3.804.212.947 | 3.804.212.947 |
| + Tăng từ phân phối lợi nhuận | - | 67.899.993 | - | - | - | 67.899.993 |
| Giảm trong kỳ trước | - | - | - | - | (2.499.263.734) | (2.499.263.734) |
| + Trả cổ tức năm 2015 | - | - | - | - | (882.699.902) | (882.699.902) |
| + Trích lập quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | (67.899.993) | (67.899.993) |
| + Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | (1.548.663.839) | (1.548.663.839) |
| Số dư tại ngày 31/12/2015 | 181.494.460.205 | 67.899.993 | - | - | 2.662.949.063 | 184.225.309.261 |
| Số dư tại ngày 01/01/2016 | 181.494.460.205 | 67.899.993 | - | - | 2.662.949.063 | 184.225.309.261 |
| Tăng trong năm nay | - | 475.681.899 | - | - | 5.709.405.031 | 6.185.086.930 |
| + Lãi trong năm nay | - | - | - | - | 5.709.405.031 | 5.709.405.031 |
| + Tăng từ phân phối lợi nhuận | - | 475.681.899 | - | - | - | 475.681.899 |
| Giảm trong năm nay | - | - | - | - | (5.232.181.327) | (5.232.181.327) |
| + Trả cổ tức năm 2016 | - | - | - | - | (2.472.737.416) | (2.472.737.416) |
| + Trích lập quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | (475.681.899) | (475.681.899) |
| + Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | (2.283.762.012) | (2.283.762.012) |
| Số dư tại ngày 31/12/2016 | 181.494.460.205 | 543.581.892 | - | - | 3.140.172.767 | 185.178.214.864 |

Bắc Giang, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Chủ tịch HĐQT



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

BƯỜNG XUÂN CÔNG